

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0201768923 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24/01/2017, cấp thay đổi lần 2 ngày 27/12/2018)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 577/SGDCKHN-QĐ do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày 22 tháng 10 năm 2020)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

TỔ CHỨC NIÊM YẾT: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Trụ sở: Lô CC2 - Khu Công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0225 2838 666

Website: <http://greenicd.com.vn>

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM (VCBS)

Trụ sở: Tầng 12&17, Tòa nhà VCB Tower, Số 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 3726 5557

Website: <http://vcbs.com.vn>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Thị Vân An

Số điện thoại: 0919937469

Chức vụ: Nhân viên kế toán

TP. Hải Phòng, tháng 09/2020

M

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0201768923 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24/01/2017, cấp thay đổi lần 2 ngày 27/12/2018)

Trụ sở chính: Lô CC2 - Khu Công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại: 0225 2838 666
Fax: 0225 2838 689
Website: <http://greenicd.com.vn/>

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu CTCP Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu: GIC
Mệnh giá: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết: 12.120.000 (Mười hai triệu, một trăm hai mươi nghìn) cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): 121.200.000.000 (Một trăm hai mươi một tỷ, hai trăm triệu) đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KPMG VIỆT NAM

Trụ sở: Tầng 46 tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, tòa nhà 72 tầng, lô E6, đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 024 3946 1600
Website: <https://home.kpmg/vn/vi/home.html>

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở: Tầng 12&17, Tòa nhà VCB Tower, Số 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 3726 5557
Website: <http://vcbs.com.vn/>

MỤC LỤC

Trang

| | | |
|-------------|---|-----------|
| I. | CÁC NHÂN TỐ RỦI RO | 1 |
| II. | NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH... 7 | 7 |
| III. | CÁC KHÁI NIỆM..... | 8 |
| IV. | TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT..... | 9 |
| 1. | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển: | 9 |
| 2. | Cơ cấu tổ chức công ty | 14 |
| 3. | Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty..... | 14 |
| 4. | Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỷ lệ nắm giữ); | 18 |
| 5. | Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:..... | 18 |
| 6. | Hoạt động kinh doanh..... | 19 |
| 7. | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh..... | 29 |
| 8. | Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành..... | 30 |
| 9. | Chính sách đối với người lao động..... | 33 |
| 10. | Chính sách cổ tức:..... | 34 |
| 11. | Tình hình hoạt động tài chính | 35 |
| 12. | Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng | 41 |
| 13. | Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty) | 54 |
| 14. | Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo..... | 56 |
| 15. | Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức. | 57 |
| 16. | Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:..... | 58 |
| 17. | Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết: | 58 |
| V. | CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT | 59 |
| VI. | CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT..... | 62 |
| VII. | PHỤ LỤC | 62 |



DANH MỤC BẢNG BIỂU

Trang

| | | |
|----------|---|----|
| Bảng 1. | Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty | 18 |
| Bảng 2. | Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 20/07/2020 | 18 |
| Bảng 3. | Sản lượng các năm 2018, 2019 và 06 tháng đầu năm 2020 | 22 |
| Bảng 4. | Doanh thu thuần các năm 2018, 2019 và 06 tháng đầu năm 2020 | 22 |
| Bảng 5. | Lợi nhuận gộp các năm 2018, 2019 và 06 tháng đầu năm 2020 | 23 |
| Bảng 6. | Bảng vật tư, nhiên liệu, nguyên liệu tiêu thụ của GIC..... | 24 |
| | trong các năm 2018, 2019 và 6 tháng đầu năm 20200 | 24 |
| Bảng 7. | Chi phí sản xuất các năm 2018, 2019 và 06 tháng đầu năm 2020..... | 24 |
| Bảng 8. | Các hợp đồng đã và đang thực hiện..... | 28 |
| Bảng 9. | Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018, 2019 và 06 tháng đầu năm 2020..... | 29 |
| Bảng 10. | So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của GIC so với các Doanh nghiệp trong cùng ngành niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán trong năm 2019..... | 31 |
| Bảng 11. | Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/06/2020..... | 33 |
| Bảng 12. | Mức thu nhập bình quân các năm 2018, 2019 và 06 tháng đầu năm 2020..... | 34 |
| Bảng 13. | Tình hình chi trả cổ tức từ năm 2017 đến năm 2019..... | 34 |
| Bảng 14. | Thời gian khấu hao của các loại tài sản..... | 35 |
| Bảng 15. | Số dư các khoản phải nộp tại thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/06/2020 | 35 |
| Bảng 16. | Số dư các khoản trích lập tại thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/06/2020 | 36 |
| Bảng 17. | Số dư các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/06/2020 | 36 |
| Bảng 18. | Số dư các khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/06/2020 | 37 |
| Bảng 19. | Số dư các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/06/2020 | 38 |
| Bảng 20. | Số dư hàng tồn kho thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/06/2020 | 39 |
| Bảng 21. | Số dư khoản chi phí trả trước dài hạn tại thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/06/2020 | 39 |
| Bảng 22. | Giao dịch với các bên có liên quan..... | 40 |
| Bảng 23. | Các chỉ tiêu tài chính năm 2018, 2019 | 40 |
| Bảng 24. | Số dư tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/06/2020 | 54 |
| Bảng 25. | Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, 2021 | 56 |
| Bảng 26. | Danh sách cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng..... | 59 |
| | theo quy định của pháp luật và tổ chức phát hành..... | 59 |



LỜI NÓI ĐẦU

Bản cáo bạch này nhằm mục đích công bố thông tin cho việc niêm yết cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh (GIC) và giúp Nhà đầu tư có thêm thông tin về GIC, từ đó có các quyết định đầu tư đúng đắn.

Bản Cáo Bạch này trình bày một số thông tin mang tính dự báo liên quan đến các kế hoạch của Công ty trong tương lai. GIC tin tưởng rằng các kế hoạch, số liệu dự kiến trình bày tại Bản Cáo Bạch này là khả thi, tuy nhiên Công ty sẽ không đảm bảo các dự kiến này sẽ xảy ra hoàn toàn trong tương lai.

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Sự phát triển của một nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng của GDP, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái. Các nhân tố trên có ảnh hưởng không nhỏ và tác động mang tính hệ thống đến toàn bộ nền kinh tế.

Rủi ro là bất cứ điều gì có thể ảnh hưởng đến hoạt động của một doanh nghiệp theo hướng tiêu cực. Các nhân tố rủi ro sẽ ảnh hưởng tới sản lượng, doanh thu và chi phí của các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ và phát triển xanh nói riêng.

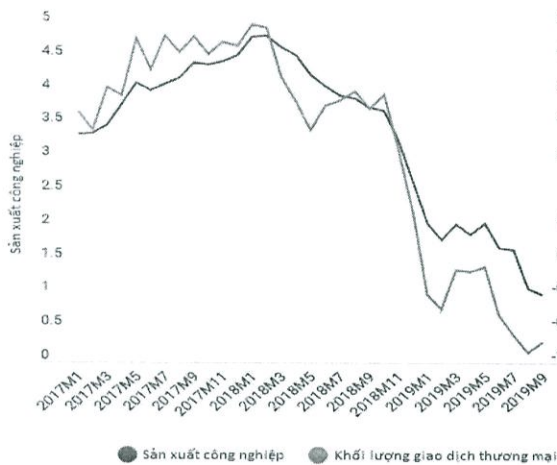
Trước khi quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh, các Nhà đầu tư cần xem xét cẩn trọng các yếu tố rủi ro và các yếu tố không chắc chắn được dưới đây:

1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Tăng trưởng kinh tế

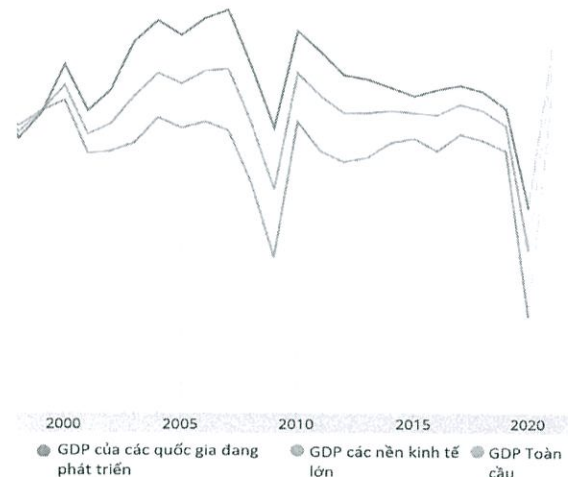
Theo dữ liệu từ Tổ chức tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2019 đã có dấu hiệu chững lại, với tổng sản phẩm quốc nội (GDP) toàn thế giới đạt 2,9%, so với năm 2018 là 3,6%... đây là mức tăng trưởng ở mức thấp nhất kể từ khủng hoảng tài chính năm 2008. Tăng trưởng kinh tế chậm diễn ra tại hầu hết các nền kinh tế lớn, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt thấp hơn so với năm 2018. Trong đó, yếu tố ảnh hưởng tiêu cực lớn nhất là chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc trong năm 2019, đã khiến giao thương toàn cầu bị đình trệ, sản lượng sản xuất công nghiệp giảm.

Thay đổi % qua các năm từ năm 2017 - 2019 lượng giao thương toàn cầu và sản lượng sản xuất công nghiệp



Hình 1: Thay đổi khối lượng sản xuất công nghiệp và giao dịch thương mại toàn cầu từ năm 2017 đến 2019. (Nguồn: IMF)

Tăng trưởng GDP toàn cầu từ năm 1998 đến năm 2021 (dự báo)



Hình 1a: Tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu từ năm 1998 đến 2021 (Nguồn: IMF)

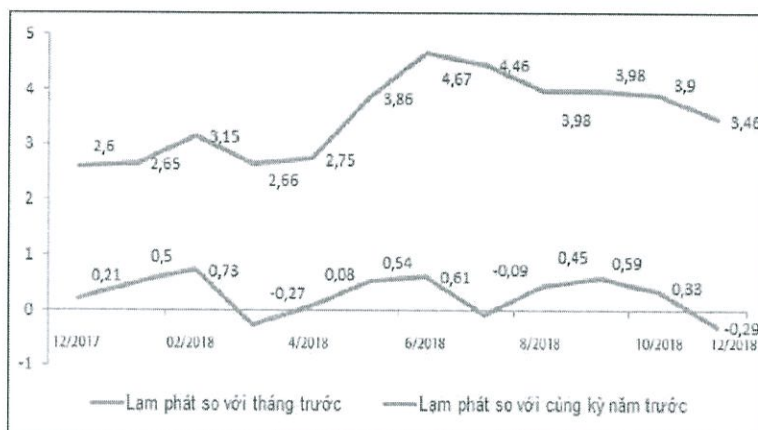
Kinh tế Việt Nam năm 2019 được coi là điểm sáng trong chu kỳ kinh tế 10 trở lại đây. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2019 của Việt Nam đạt kết quả ấn tượng, tăng trưởng kinh tế năm 2019 đạt 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6-6,8%. Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011 - 2017. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, GDP quý IV/2019 ước tính tăng 6,97% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,62%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,92% và khu vực dịch vụ tăng 8,09%. Về sử dụng GDP quý IV/2019, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,29% so với cùng kỳ

năm trước. Tích lũy tài sản tăng 8,28%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 5,05%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 6,71%.

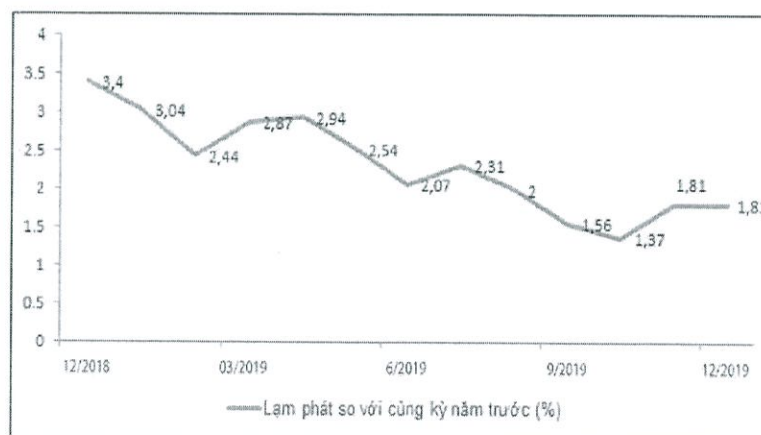
Tuy nhiên, do ảnh hưởng từ dịch Covid khi Chính phủ chỉ đạo thực hiện mạnh mẽ các giải pháp nhằm giãn cách xã hội, kinh tế Việt nam đã giảm tốc đáng kể. Tổng Cục thống kê công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội 06 tháng đầu năm 2020, tổng sản phẩm trong nước (GDP) 06 tháng đầu năm 2020 tăng 1,81% là mức tăng thấp nhất của 06 tháng trong 10 năm trở lại đây. Vì vậy, để hạn chế rủi ro, GIC đang không ngừng cải thiện chất lượng dịch vụ, hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ để giữ vững thị phần trong các lĩnh vực kinh doanh của mình.

1.2. Chỉ số lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có thể tác động đến mọi chủ thể trong nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và GIC nói riêng. Trong những năm gần đây, chỉ số lạm phát của Việt Nam luôn được Chính phủ kiểm chế ở mức thấp. Năm 2019, nền kinh tế Việt Nam gặp phải nhiều thách thức như sốc tăng giá xăng dầu, giá thịt lợn, tỷ giá ngoại tệ, ảnh hưởng khách quan đến công tác điều hành của Chính Phủ. Mặc dù vậy, lạm phát trung bình năm 2019 vẫn được giữ dưới mức 4%.



Hình 2: Lạm phát của Việt Nam 2017-2018 (Nguồn: Tổng cục thống kê)



Hình 3: Lạm phát của Việt Nam năm 2019 (Nguồn: Tổng cục thống kê)

Tuy nhiên, với diễn biến khó lường của COVID-19 tại Trung Quốc cũng như trên thế giới khiến chuỗi cung ứng toàn cầu bị đảo lộn, nhiều chuyên gia kinh tế nhận định kinh tế năm 2020 sẽ diễn biến phức tạp và khó dự báo hơn trước.

10/11/2019
 14/11/2019



Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, chỉ số lạm phát chung đạt 5,6% trong quý I/2020, cao hơn mức 4,9% của cùng kỳ 2019. Lạm phát lõi cũng ghi nhận ở mức 3,1% - mức cao nhất trong 5 năm trở lại đây. Biến động CPI tăng trong quý I/2020 chủ yếu do nhu cầu về nhiều loại mặt hàng trong dịp Tết Nguyên đán tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời, ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 làm giá các mặt hàng nhập khẩu Trung Quốc, giá các mặt hàng thuốc y tế, điện sinh hoạt và nước sinh hoạt tăng cao. Mặc dù CPI bình quân còn ở mức khá cao nhưng so với mức đỉnh (tăng 6,43%) vào thời điểm cuối tháng 1/2020 thì những mức tăng trên đã hạ nhiệt đáng kể. Theo đó, sau khi tăng mạnh trong các tháng cuối năm 2019, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, giá xăng dầu thế giới giảm mạnh và nguồn cung thực phẩm dồi dào đã khiến mức tăng của chỉ số CPI dần có xu hướng hạ nhiệt trong 2 tháng cuối quý I năm 2020.

Đặc biệt, mức giảm của CPI trong tháng 3 là tương đối mạnh (-0,72%). Trong mức giảm 0,72% của chỉ số CPI tháng 3/2020, có 7/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm, trong đó: Nhóm giao thông giảm nhiều nhất với 4,87%, chủ yếu do tác động của việc điều chỉnh giảm giá xăng, dầu, khiến riêng giá mặt hàng này giảm 9,83% (tác động làm CPI chung giảm 0,43%). Bên cạnh đó, giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch cũng giảm 1,4% do nhu cầu đi lại, du lịch, lễ hội của người dân giảm mạnh bởi ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Giảm giá mạnh thứ ba là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-0,43%), trong đó: lương thực tăng 1,09%; thực phẩm giảm 0,89%. Ở chiều ngược lại, các nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng bao gồm: thiết bị và đồ dùng gia đình (tăng 0,09%), thuốc và dịch vụ y tế (tăng 0,05%); giáo dục (tăng 0,04%); hàng hóa và dịch vụ khác (tăng 0,16%).

Khả năng cao lạm phát sẽ sớm giảm xuống dưới ngưỡng 4% kể từ nửa sau của năm 2020 do ảnh hưởng tích cực từ sự lao dốc của giá dầu thô, sự điều hành và kiểm soát chặt chẽ giá thực phẩm. Chính phủ thông qua việc cắt giảm 10% tiền điện sinh hoạt và sản xuất để hạn chế tác động tiêu cực từ dịch bệnh Covid-19 trong thời hạn 3 tháng từ tháng 4 đến tháng 6/2020. Nỗ lực điều tiết thị trường bước đầu có kết quả khả quan khi các nhà sản xuất thịt lợn lớn trong nước cam kết cắt giảm giá bán đầu ra xuống 70.000 đồng/kg kể từ 1/4/2020. giá thịt lợn giảm góp phần hỗ trợ kiểm soát chỉ số CPI. Lạm phát trong tháng 4 có thể sẽ còn tiếp tục giảm do quyết định giảm mạnh giá xăng dầu của Bộ Công thương. Với tỷ trọng chiếm gần 5% trong rổ tính CPI, chúng tôi cho rằng chỉ tính riêng mức giảm 25% của giá xăng trong nước như trên có thể tác động khiến CPI tháng 4 giảm trên 1% so với tháng 3/2020. Ngoài ra, việc giảm giá điện cũng sẽ góp phần giảm chỉ số CPI dự báo lạm phát trung bình cho cả năm 2020 sẽ ở mức 3-3,5%. Dự báo lạm phát theo năm vào thời điểm cuối năm 2020 cũng được điều chỉnh về mức 2-3,5% (thay cho mức 3,2 - 3,6% trước đây).

Những biến động này sẽ ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty.

Theo dự báo kinh tế thế giới năm 2020 với sự ảnh hưởng của dịch COVID-19, Công ty sẽ không nằm ngoài ảnh hưởng chung của kinh tế thế giới do đặc thù ngành logistics gắn liền với thương mại Quốc tế, Công ty ước tính doanh thu và lợi nhuận năm 2020 sẽ giảm 10-15%.

Tuy nhiên, với sự ổn định của nguồn khách hàng truyền thống và chất lượng dịch vụ hàng đầu đã được khẳng định trong những năm qua, Công ty cũng nhận định, nếu Việt Nam sớm ngăn chặn được dịch COVID-19 thì Công ty vẫn có khả năng đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2020 mà Đại hội cổ đông đề ra.

1.3. Lãi suất

Vừa qua, NHNN đã ban hành các quyết định hạ một số loại lãi suất điều hành (LSDH) có hiệu lực kể từ ngày 13/5/2020. Đây là lần thứ 2 trong năm 2020 và lần thứ 3 trong vòng 1 năm qua NHNN có động thái như vậy. Đây cũng là xu hướng của các ngân hàng trung ương trên thế giới nhằm hỗ trợ cho nền kinh tế ứng phó với tác động của dịch COVID-19. Việc hạ LSDH lần này của NHNN có tác động tích cực nhiều hơn đối với hệ thống ngân hàng so với đợt giảm LSDH vào tháng 3 vừa qua. Kể từ đầu năm nay, lãi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm chỉ ở khoảng 3% - thấp hơn rất nhiều so với lợi suất của các nước cận biên. Xu hướng giảm từ 50 – 100 điểm phần trăm lãi suất huy động các kỳ hạn trên 6 tháng đã diễn ra sau thời điểm NHNN hạ lãi suất điều hành vào tháng 3 vừa qua. Lãi suất huy động trung hạn trong thời gian tới sẽ tiếp tục xu hướng giảm, qua đó các ngân hàng sẽ giảm lãi suất cho vay

Ngân hàng Nhà nước áp dụng chính sách tiền tệ nới lỏng, với mục tiêu giảm lãi suất cho vay. Trong khi đó, các ngân hàng đang trong giai đoạn tái cơ cấu, áp dụng tiêu chuẩn Basel II, nên tăng trưởng tín dụng sẽ theo hướng thận trọng hơn. Tuy nhiên, dự báo lãi suất huy động các kỳ hạn dài nhiều khả năng sẽ tăng trở lại vào tháng 10 - 11/2020 do áp lực lạm phát có thể tăng vào thời điểm cuối năm, cũng như quy định mới về tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn (SML) bắt đầu được áp dụng vào cuối quý III/2020.

Nhu cầu sử dụng vốn ngắn hạn được dự báo sẽ giảm dần trong hoạt động sản xuất khi áp dụng tỷ lệ SML mới. Trên thực tế, các ngân hàng sẽ điều tiết dòng vốn ngắn hạn sang các loại hình cho vay tiêu dùng cá nhân hoặc cho vay ngắn hạn (hỗ trợ dòng vốn lưu động) cho các doanh nghiệp. Huy động tiền gửi không kỳ hạn sẽ tiếp tục gia tăng tại nhóm các ngân hàng thương mại cổ phần khi đưa ra nhiều chính sách cạnh tranh hấp dẫn để hút dòng tiền này. Với việc tăng cường áp dụng các dịch vụ gia tăng trong hệ thống ngân hàng, cũng như sự phát triển của các kênh thanh toán không dùng tiền mặt - fintech (ví điện tử, ngân hàng số), người gửi tiền sẽ sử dụng nhiều hơn các dịch vụ. Mặt bằng lãi suất thay đổi sẽ thay đổi lớn đến chi phí tài chính cũng như hiệu quả kinh doanh, lợi nhuận của GIC nói riêng và các doanh nghiệp cả nước nói chung.

Tổng nợ vay dài hạn tại thời điểm 30/06/2020 là ~88 tỷ đồng (tương đương 24% tổng tài sản), với dòng tiền hiện tại cho phép Công ty thực hiện kế hoạch trả nợ vay cũng như trả trước hạn khi chưa có kế hoạch đầu tư mới tại thời điểm này. Ngoài ra, ban điều hành của GIC luôn thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng trước khi ra quyết định sử dụng các khoản vay từ Ngân hàng do vậy, rủi ro lãi suất cũng được GIC kiểm soát và hạn chế đáng kể.

2. Rủi ro về luật pháp

Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Ngoài ra, sau khi chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng, GIC trở thành Công ty đại chúng, tiến tới là công ty niêm yết, sẽ chịu sự điều chỉnh sâu sắc của các văn bản pháp luật về chứng khoán, kiểm toán và các nghĩa vụ thuế, kể cả của cổ đông. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, một số quy định chưa rõ ràng và còn lệ thuộc nhiều vào các văn bản hướng dẫn thi hành, cũng như một số vấn đề pháp lý phát sinh khác vẫn ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

Để kiểm soát rủi ro về mặt Luật pháp, Công ty tiếp tục cập nhật những thay đổi về các quy định của Pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù

hợp. Để ngăn chặn các phát sinh theo hướng tiêu cực của rủi ro, Công ty đã xây dựng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ các quy định của pháp luật. Nhìn chung, chủ trương của Nhà nước là tạo môi trường pháp lý ngày càng thông thoáng, thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp, và với ý thức chấp hành pháp luật tốt của Công ty thì rủi ro này thấp, không phải vấn đề đáng quan ngại.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro biến động giá dầu

Xăng dầu đóng vai trò là nguyên vật liệu chính cho đầu vào sản xuất kinh doanh của ngành khai thác bãi cảng. Mặt khác, xăng dầu cũng là nhân tố quan trọng hoạt động kinh doanh của các hãng tàu, hãng vận tải. Vì vậy, mọi biến động giá xăng dầu nội địa và trên toàn thế giới cũng đều có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của GIC. Trước tình hình ngày một khan hiếm của tài nguyên này và những bất ổn kinh tế - chính trị trên thế giới, giá nguyên vật liệu được dự báo sẽ dao động mạnh trong tương lai, tiềm ẩn nhiều rủi ro cho các doanh nghiệp liên quan bao gồm cả doanh nghiệp khai thác bãi cảng và các khách hàng/ đối tác của họ.

3.2. Rủi ro thay đổi công nghệ

Đặc thù ngành khai thác cảng là sử dụng các thiết bị nâng, dỡ quy mô lớn, đầu kéo hiện đại. Tốc độ thay đổi công nghệ đối với những thiết bị này không cao, vì vậy, các doanh nghiệp khai thác cảng không chịu nhiều rủi ro do sự thay đổi liên tục của công nghệ mới. Tuy nhiên, do việc đầu tư cho các thiết bị trên yêu cầu mức đầu tư lớn, doanh nghiệp sẽ cần chú ý tới hiệu quả trong sử dụng nhằm đảm bảo tính kinh tế của các khoản đầu tư vào máy móc thiết bị này.

3.3. Rủi ro cạnh tranh

Với tính chất là một trong những cảng biển lớn quan trọng của Việt Nam, Hải Phòng có nhiều các Doanh nghiệp lớn nhỏ cùng ngành với GIC. Công ty chịu sự cạnh tranh gay gắt nguồn khách hàng và giá cước, tác động trực tiếp đến thị phần của doanh nghiệp trên thị trường. Một số đối thủ cạnh tranh có năng lực bốc xếp hiệu quả, năng động trong thu hút khách hàng mới. Mặt khác, CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh còn bị cạnh tranh bởi các Doanh nghiệp tại các địa bàn Tỉnh/ Thành phố có cảng lớn không nằm trong khu vực, ví dụ như Cảng Quảng Ninh, có thể thu hút tàu hàng từ khu vực Hải Phòng nói chung.

Với việc nền kinh tế Việt Nam đang phát triển trở lại và mạnh mẽ nhất trong vòng 10 năm qua thì dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng đang dần trở lên cạnh tranh hơn bao giờ hết. Các doanh nghiệp cạnh tranh với nhau về tiêu chuẩn kho bãi, vị trí kho bãi, diện tích kho bãi, giá cả và chất lượng dịch vụ. Tuy nhiên, dịch vụ GIC cung cấp không phải là dịch vụ cho thuê kho bãi đơn thuần mà là dịch vụ khai thác kho bãi, bao gồm các dịch vụ phụ trợ, gia tăng như: dịch vụ nâng hạ, dịch vụ vận chuyển, sửa chữa container, v.v.... vì vậy rủi ro đối với công ty được giảm thiểu đi nhiều.

4. Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro mang tính đặc thù trong hoạt động khai thác cảng, GIC cũng như các đơn vị kinh tế khác cũng sẽ bị ảnh hưởng và bị tổn thất nếu xảy ra các rủi ro bất khả kháng, bao gồm:

- Thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, lũ lụt, chiến tranh làm ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục thực hiện Hợp đồng của các Bên;

- Nhà nước thay đổi chính sách, pháp luật dẫn đến việc Hợp đồng không thể thi hành được;
- Các sự kiện khác xảy ra một cách khách quan mà các bên không thể lường trước, không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết.

Đây là các rủi ro không thể loại trừ, nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình thời tiết, lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng khóa của Công ty và khách hàng.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Ông: Nguyễn Thế Trọng Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Hoàng Tiến Lục Chức vụ: Giám đốc

Bà: Nguyễn Thị Minh Lan Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông: Trương Lý Thế Anh Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Ông: **Đỗ Thanh Phong**

Chức vụ: **Phó Giám đốc**

(Giấy Ủy quyền số 30/2020/UQ-VCBS-KSNB ngày 01/07/2020 của Công ty Chứng khoán TNHH Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ và phát triển xanh tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn số 05/2019/VCBS-TVTCĐN với Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

| | | |
|---|---|---|
| Bản Cáo Bạch | : | Bản cáo bạch này và cũng là bản cung cấp thông tin của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư. |
| Cổ phần | : | Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. |
| Cổ phiếu | : | Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần. |
| Cổ đông | : | Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty |
| Cổ tức | : | Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính. |
| BCTC | : | Báo cáo tài chính |
| BKS | : | Ban Kiểm soát |
| Công ty CP hoặc CTCP | : | Công ty cổ phần |
| ĐHĐCĐ | : | Đại hội đồng cổ đông |
| HĐQT | : | Hội đồng quản trị |
| GD | : | Giám đốc |
| BGD | : | Ban Giám đốc |
| KTT | : | Kế toán trưởng |
| SGDCK | : | Sở giao dịch chứng khoán |
| Công ty/ Tổ chức Đăng ký niêm yết/ GIC | : | Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh |
| Tổ chức tư vấn/VCBS | : | Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam |
| UBND | : | Ủy Ban nhân dân |
| CBCNV | : | Cán bộ công nhân viên |
| IICL | : | Chứng chỉ quốc tế về tiêu chuẩn container và các hoạt động liên quan đến sửa chữa, bảo trì và giám định các loại container |

Các từ ngữ, khái niệm được sử dụng trong Bản Cáo Bạch này nhưng không được giải thích trong mục này sẽ có nghĩa như được giải thích trong các mục khác của Bản Cáo Bạch này.



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH
- Tên Tiếng Anh : GREEN DEVELOPMENT AND INVESTMENT SERVICE JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : GIC
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Hoàng Tiến Lục – Chức danh: Giám đốc
- Vốn điều lệ : 121.200.000.000 đồng
- Trụ sở chính : Lô CC2 - Khu Công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
- Điện thoại : 0225 2838 666
- Fax : 0225 2838 689
- Website : <http://greenicd.com.vn/>
- Logo của Công ty :



- Giấy chứng nhận : 0201768923 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24/01/2017, cấp thay đổi lần 2 ngày 27/12/2018
- Ngày chính thức được chấp nhận là công ty đại chúng : Ngày 06/04/2020 (Theo công văn số 2268/UBCK-GSĐC ngày 06/04/2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của CTCP Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh)

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201768923 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24/01/2017, cấp thay đổi lần 2 ngày 27/12/2018, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

| STT | Mã ngành, nghề kinh doanh | Tên ngành, nghề kinh doanh |
|-----|---------------------------|--|
| 1 | 5225 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ |
| 2 | 4933 | Vận tải hàng hóa đường bộ |
| 3 | 3311 | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn |
| 4 | 6810 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng |

| | | |
|----|---------------------|--|
| | | hoặc đi thuê |
| 5 | 5012 | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương |
| 6 | 5022 | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa |
| 7 | 5210 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa |
| 8 | 5224 | Bốc xếp hàng hóa |
| 9 | 5229 (Chính) | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Giao nhận hàng hoá; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Đại lý vận tải hàng hoá; Dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng hoá; Môi giới thuê tàu biển (không gồm thủy thủ đoàn); Đóng gói hàng hoá, lấy mẫu, cân hàng hoá; Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không, cảng hàng không và kinh doanh hàng không chung) |
| 10 | 3312 | Sửa chữa máy móc, thiết bị |
| 11 | 4520 | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác |
| 12 | 4661 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan |
| 13 | 4730 | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh |
| 14 | 5221 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt |

1.3. Quá trình hình thành, phát triển

CTCP Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh được thành lập ngày 24/01/2017 với vốn điều lệ 101.000.000.000 đồng, trong đó Công ty cổ phần Container Việt Nam góp vốn 67.000.000.000 đồng, tương đương với 66,3% vốn điều lệ, còn lại là một số cổ đông cá nhân.



Trụ sở Công ty CP Đầu tư dịch vụ và phát triển Xanh

Công ty được hình thành và phát triển với sự kế thừa về nhân sự, kỹ thuật, kinh nghiệm và mối quan hệ khách hàng truyền thống lâu năm từ công ty TNHH MTV Bến Xanh (công ty 100% vốn của CTCP Container Việt Nam - Viconship) với lĩnh vực cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi như xếp dỡ, lưu giữ, bảo quản, sửa chữa, vệ sinh container... Với khách hàng hãng tàu truyền thống và đội ngũ CBNV với kinh nghiệm quản lý, khai thác kho bãi lâu năm, ngay khi dự án xây dựng bãi container của công ty hoàn thành từng



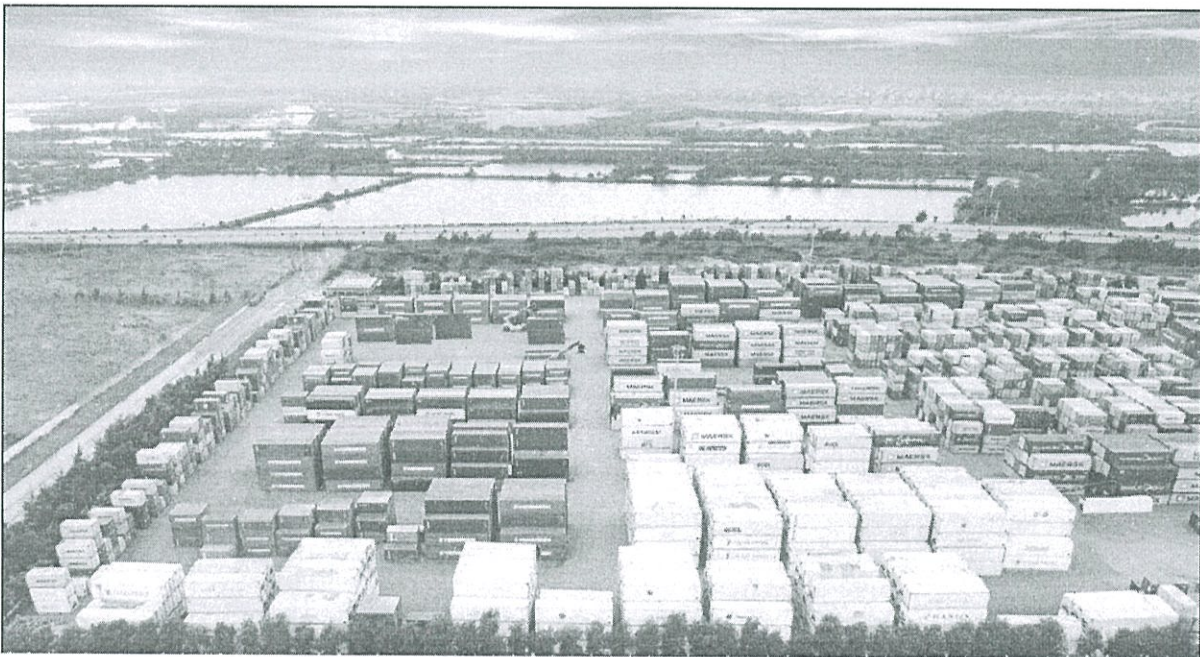
phần hạng mục và đi vào hoạt động từ tháng 7/2017, công ty đã nhanh chóng cung cấp dịch vụ cho khách hàng truyền thống, liên tục tăng trưởng doanh thu và có lợi nhuận ngay từ năm tài chính đầu tiên. Công ty không ngừng đầu tư trang thiết bị chuyên dùng hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin tối ưu của ngành dịch vụ logistics nhằm liên tục nâng cao chất lượng dịch vụ của công ty với mục tiêu trở thành công ty cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi logistics hàng đầu tại Việt Nam và khu vực...

Năm 2018, để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 121.200.000.000 đồng.

Ngày 06/04/2020 Công ty đã được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 2268/UBCK-GSDC về việc đăng ký đại chúng của Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh

Ngày 26/06/2020 Công ty đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số 43/2020/GCNCP-VSD, với tổng số lượng chứng khoán đăng ký là 12.120.000 cổ phần.

Một số hình ảnh về Công ty cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Xanh:



Toàn cảnh kho bãi của CTCP Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh tại Khu công nghiệp Đình Vũ

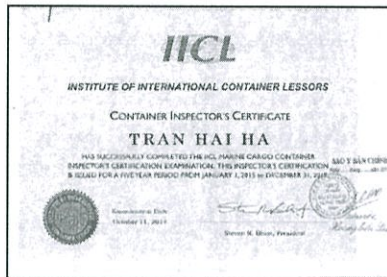


Quá trình bốc xếp container bằng máy nâng



Khu sửa chữa, bảo dưỡng container của GIC

Các chứng chỉ quốc tế IICL, Chứng chỉ quốc tế container lạnh của Cán bộ công nhân viên Công ty CP Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh



Chứng chỉ IICL năm 2013 và 2015



Chứng chỉ IICL năm 2018



Chứng chỉ IICL năm 2019



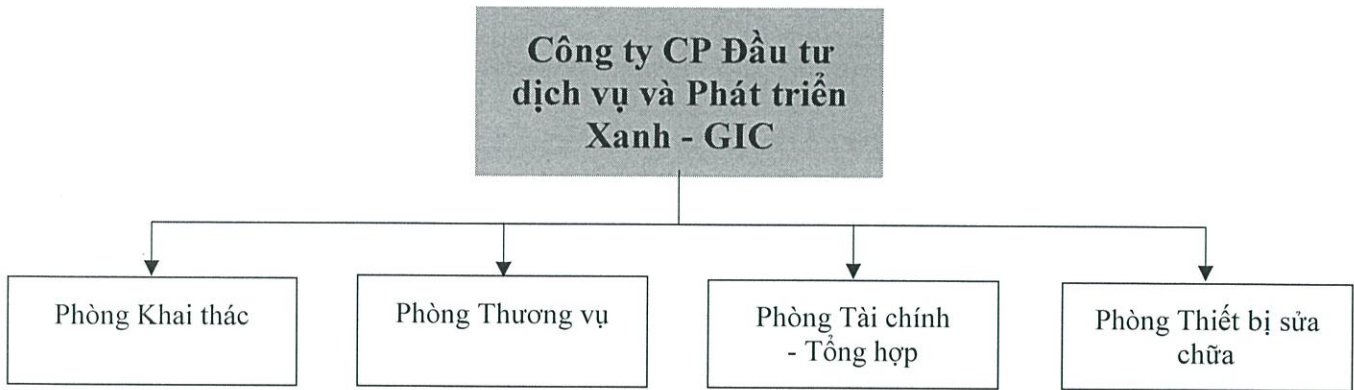
Chứng chỉ Container lạnh năm 2013 và 2016

1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ

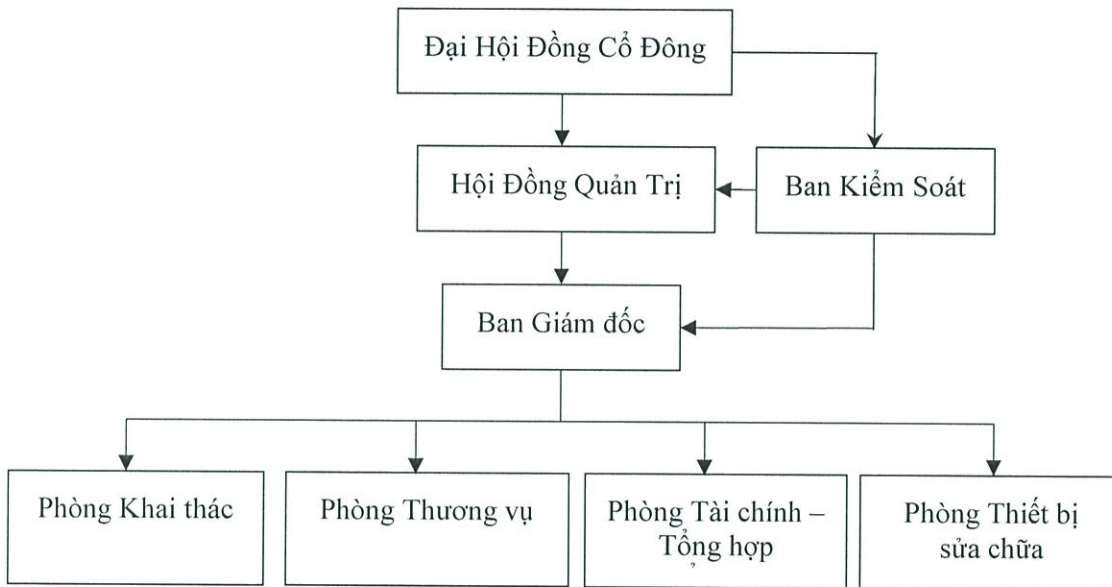
Kể từ thời điểm thành lập đến nay, Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh đã thực hiện tăng vốn 01 một lần từ 101.000.000.000 đồng lên 121.200.000.000 đồng, chi tiết như sau:

- Căn cứ pháp lý:
 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2018 thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn.
 - GPĐKKD số 0201768923 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24/01/2017.
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 101.000.000.000 đồng
- Hình thức tăng vốn: phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 5:1 (*nghĩa là mỗi cổ đông sở hữu 05 cổ phần sẽ được mua thêm 1 cổ phần mới*), tương đương với tỷ lệ phát hành thêm là 20% vốn điều lệ.
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành thành công: 2.020.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đã phát hành thành công: 20.200.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 121.200.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước tăng vốn: 75 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn: 75 cổ đông
- Thời điểm phát hành: Năm 2018
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung nguồn vốn thực hiện đầu tư thiết bị xếp dỡ, phương tiện vận tải

2. Cơ cấu tổ chức công ty



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



3.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban Kiểm soát và của Kiểm soát viên;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Quyết định số thành viên HĐQT;
- Các quyền khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3.2. Hội đồng quản trị



Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Các nhiệm vụ của HĐQT bao gồm:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược kinh doanh, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty

Hội đồng quản trị của Công ty có từ 03 đến 11 thành viên, mỗi nhiệm kỳ tối đa của từng thành viên là không quá 05 năm. Chủ tịch Hội đồng quản trị do HĐQT bầu ra. Cơ cấu HĐQT hiện tại gồm 07 thành viên bao gồm:

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-----------------------|-----------------|
| 1 | Ông Nguyễn Thế Trọng | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Ông Trần Xuân Bạo | Thành viên HĐQT |
| 3 | Ông Hoàng Tiến Lục | Thành viên HĐQT |
| 4 | Ông Nguyễn Việt Trung | Thành viên HĐQT |
| 5 | Ông Nghiêm Tuấn Anh | Thành viên HĐQT |
| 6 | Ông Cáp Trọng Cường | Thành viên HĐQT |
| 7 | Ông Bùi Minh Hưng | Thành viên HĐQT |

3.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và BCTC của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động SXKD của Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các BCTC của Công ty, trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc.
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết
- Các quyền và nghĩa vụ khác tại Điều lệ Công ty



Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Cơ cấu BKS hiện tại gồm:

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|--------------------------|--------------------------|
| 1 | Ông Trương Lý Thế Anh | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 2 | Ông Nguyễn Tuấn Anh | Thành viên Ban Kiểm soát |
| 3 | Bà Nghiêm Thị Thùy Dương | Thành viên Ban Kiểm soát |

3.4. Ban điều hành

Ban điều hành của Công ty gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Giám đốc.

- **Giám đốc:** là người đại diện theo Pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm trước Pháp luật về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Giám đốc trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo phương hướng kinh doanh mà ĐHCĐ thông qua để đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.
- **Phó Giám đốc:** là người giúp việc cho Giám đốc, được Giám đốc ủy quyền hoặc chịu trách nhiệm trong một số lĩnh vực quản lý chuyên môn và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về những nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.
- **Kế toán trưởng:** : là người tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính của công ty, giúp Giám đốc công ty giám sát tài chính tại công ty theo pháp lệnh về tài chính, kế toán, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

Cơ cấu của Ban Điều hành Công ty hiện tại như sau:

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|------------------------|----------------|
| 1 | Ông Hoàng Tiến Lục | Giám đốc |
| 2 | Ông Đồng Trung Hải | Phó Giám đốc |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Minh Lan | Kế toán trưởng |

3.5. Các đơn vị trực thuộc, phòng ban chức năng

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là dịch vụ giao nhận, xếp dỡ, lưu giữ, bảo quản, vệ sinh, sửa chữa container được thực hiện tại khu vực bãi container của Công ty. Vì vậy, các phòng ban của Công ty được phân công thực hiện từng khâu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

- **Phòng Khai thác:** Phòng Khai thác là đơn vị tổ chức thực hiện các công việc:
 - Quy hoạch khu vực chất xếp container trong bãi khoa học nhằm đạt được khả năng chất xếp container tối ưu và đảm bảo an toàn lao động.
 - Tiếp nhận container, kiểm tra, đánh giá tình trạng container khi nhập bãi, bao gồm tình trạng hư hỏng và tình trạng vệ sinh của container đối với container rỗng; tình trạng niêm phong chì và chùng từ Hải quan kèm theo đối với container có hàng.
 - Thực hiện công việc vệ sinh 100% container rỗng nhập bãi.

- Bố trí vị trí xếp container phù hợp với quy hoạch khi container nhập bãi.
 - Thực hiện phương án lấy container ra khỏi vị trí chất xếp sao cho an toàn, tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí và giao container theo lệnh giao hàng của khách hàng đối với container xuất bãi. Kiểm tra và ghi nhận tình trạng container bằng hình ảnh trước khi xuất bãi.
 - Quản lý và sử dụng phương tiện vận tải container an toàn, hiệu quả. Vận chuyển container bằng đường bộ theo yêu cầu của khách hàng.
 - Thực hiện đóng hàng hóa vào container và rút hàng hóa từ container ra theo yêu cầu của khách hàng.
 - Phối hợp với phòng Thiết bị - Sửa chữa bộ phận quản lý thiết bị xếp dỡ để thực hiện nâng, hạ container tại bãi; phối hợp với bộ phận sửa chữa container để thực hiện việc sửa chữa container.
 - Phối hợp với phòng Thương vụ để thực hiện thủ tục lập phiếu giao nhận container, ghi nhận tình trạng container khi xuất, nhập bãi.
 - Phối hợp với phòng Tài chính - Tổng hợp, phòng Thương vụ và phòng Thiết bị - Sửa chữa để đối chiếu quyết toán, thực hiện lập hóa đơn và thu khách hàng theo Hợp đồng và biểu cước của Công ty.
- **Phòng Thương vụ:**
 - Xây dựng biểu cước dịch vụ của Công ty định kỳ hàng năm hoặc đột xuất do ảnh hưởng của giá nhiên liệu, vật tư và các yếu tố khác...
 - Tham mưu cho Ban Giám đốc đàm phán, thương thảo hợp đồng cung cấp dịch vụ đối với khách hàng và hợp đồng mua bán hàng hóa, nhiên liệu, vật tư, phụ tùng, các dịch vụ khác đối với nhà cung cấp.
 - Lập kế hoạch, phương hướng và thực hiện công việc chăm sóc khách hàng nhằm duy trì hợp đồng cung cấp dịch vụ với khách hàng cũ và tìm kiếm khách hàng mới, khách hàng tiềm năng để tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.
 - Phối hợp với phòng Khai thác lập chứng từ giao nhận container xuất nhập bãi của Công ty.
 - Phối hợp với phòng Khai thác, phòng Thiết bị - sửa chữa và phòng Tài chính - Tổng hợp để thực hiện lập hóa đơn, thu cước theo biểu phí hoặc hợp đồng đã ký kết của Công ty.
 - **Phòng Thiết bị sửa chữa:**
 - Quản lý và sử dụng thiết bị xếp dỡ và các thiết bị, máy công cụ khác an toàn và hiệu quả phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty.
 - Phối hợp với phòng Khai thác và phòng Thương vụ thực hiện xếp, dỡ container.
 - Thực hiện công việc sửa chữa container, lắp đặt thiết bị treo trong container, đóng mới container theo phương án khách hàng yêu cầu.
 - Phối hợp với phòng Thương vụ, phòng Khai thác và phòng Tài chính – Tổng hợp thực hiện quyết toán, thanh toán với các khách hàng theo biểu cước và hợp đồng đã ký kết.
 - **Phòng Tài chính – tổng hợp:**
 - Tham mưu cho Giám đốc công ty về công tác Tài chính - Kế toán, Lao động - Tiền lương, Hành chính, An toàn lao động của công ty.
 - Tổ chức thực hiện công tác Tài chính – Kế toán; Lao động – Tiền lương và các công việc

khác theo nhiệm vụ được Ban Giám đốc phân công.

- Phối hợp với tất cả các phòng ban trong Công ty thực hiện kiểm soát nguồn thu và chi phí của Công ty theo các quy chế, biểu cước của Công ty và các hợp đồng đã ký kết.
- Thực hiện các chế độ chính sách với cơ quan Thuế, cơ quan Bảo hiểm xã hội và các cơ quan Quản lý nhà nước.
- Lập các báo cáo quản trị để báo cáo và tham mưu cho HĐQT, Ban giám đốc xây dựng phương hướng và kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác được Ban Giám đốc phân công.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông:

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tại ngày 20/07/2020

Bảng 1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

| Cổ đông | Địa chỉ | Số cổ phần | Tỷ lệ |
|------------------------------------|--|------------|--------|
| Công ty cổ phần Container Việt Nam | Số 11 Võ Thị Sáu, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng | 8.040.000 | 66,34% |

Nguồn: Công ty CP Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập:

Công ty được thành lập theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201768923 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24/01/2017. Theo quy định tại Luật doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện nay, toàn bộ số cổ phần do các cổ đông sáng lập nắm giữ không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

4.3. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm (20/07/2020)

Bảng 2. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 20/07/2020

| Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ(%) |
|--------------------------------|------------------|-------------------|---------------|
| I. Cổ đông Nhà nước | - | - | - |
| II. Cổ đông trong nước | 480 | 12.120.000 | 100,00 |
| Cá nhân | 479 | 4.080.000 | 33,66 |
| Tổ chức | 1 | 8.040.000 | 66,34 |
| III. Cổ đông ngoài nước | - | - | - |
| Cá nhân | - | - | - |
| Tổ chức | - | - | - |
| Tổng | 480 | 12.120.000 | 100,00 |

Nguồn: Công ty CP Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

- Công ty mẹ: Công ty Cổ phần Container Việt Nam

| | |
|---------------------------------|--|
| Tên tiếng Việt: | CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM |
| Tên tiếng Anh: | Vietnam Container Shipping Corporation |
| Tên viết tắt: | VICONSHIP |
| Địa chỉ: | Số 11 Võ Thị Sáu, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng |
| Điện thoại: | (84-225) 3836 705 |
| Fax: | (84-225) 3836 104 |
| Website: | www.viconship.com |
| Tổng giám đốc: | Ông Nguyễn Văn Tiến |
| Vốn điều lệ đăng ký: | 551.227.980.000 đồng |
| Vốn điều lệ thực góp: | 551.227.980.000 đồng |
| Giấy đăng ký kinh doanh: | Số 0200453688 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/04/2002 và được sửa đổi bổ sung lần thứ 20 ngày 11/07/2019. |
| Ngành nghề kinh doanh: | Dịch vụ đại lý container, đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Kinh doanh hàng lâm sản xuất khẩu; Kinh doanh kho, bến bãi; Vận tải, tổ chức liên hiệp vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng dự án, hàng quá cảnh; Kinh doanh xăng dầu, phụ tùng, phương tiện, thiết bị; Sửa chữa đóng mới và cho thuê container; Khai thác cảng biển; Khai thác vận tải ven biển. |
| Tỷ lệ sở hữu tại GIC: | 66,34% |
| ▪ Công ty con: | Không có |
| ▪ Công ty liên doanh, liên kết: | Không có |

6. Hoạt động kinh doanh

Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển xanh có diện tích bãi chứa container 10ha tại khu công nghiệp Đình Vũ Hải Phòng, được trang bị đầy đủ thiết bị xếp dỡ và phương tiện vận chuyển container chuyên dùng hiện đại, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ:

- Dịch vụ giao nhận, lưu giữ và bảo quản container rỗng và container chứa hàng hóa
- Dịch vụ đóng hàng và rút hàng hóa trong container tại bãi của Công ty.
- Dịch vụ sửa chữa container, lắp đặt thiết bị treo trong container, đóng mới container...
- Dịch vụ vận tải container bằng đường bộ.
- Dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ, vận tải container chuyên dùng.
- Các dịch vụ khác.

6.1. Dịch vụ kho bãi, lưu giữ và bốc xếp hàng hóa

Với hệ thống bãi container rộng 10ha tại khu công nghiệp Đình Vũ Hải Phòng, vị trí bãi liền kề với hệ thống Cảng Đình Vũ, cảng nước sâu Lạch Huyện, kết nối trực tiếp vào tuyến đường quan trọng như cao tốc Hải Phòng - Hà Nội, cao tốc Hải Phòng - Hạ Long, đường xuyên Á 14...là vị trí bãi container chiến lược để khai thác hậu cần sau cảng. Bãi container của Công ty được quy hoạch công vào, ra riêng biệt tạo luồng xe chạy trong bãi thuận tiện, an toàn, quy hoạch bãi được tính toán khả năng chất



xếp container tối ưu, đạt sức chứa 8000 container. Công ty đầu tư 10 xe nâng hàng reach stacker sức nâng 45 tấn; 03 xe nâng vô reach stacker sức nâng 10 tấn; 02 xe nâng folklift với sức nâng 4,5 tấn và 10 tấn để phục vụ đóng rút hàng trong container; 09 đầu kéo với móc kèm theo phục vụ vận chuyển container đường bộ. Công ty trang bị hệ thống phần mềm quản lý nhập xuất container PL-TOS (là hệ thống phần mềm quản lý bãi container tối ưu nhất hiện nay) và toàn bộ thiết bị số hóa tự động cầm tay từ các khâu giao nhận tại hai cổng nhập, xuất, thiết bị cầm tay cho lái xe nâng trong bãi để kịp thời cập nhật thông tin hoàn thành nâng, hạ và vị trí xếp đặt container trong bãi và báo cáo về mọi thông tin tình trạng hàng hóa trong thời gian thực.

Các hệ thống khai thác và quản lý phụ trợ khác như: Hệ thống 200 giắc cắm container lạnh phục vụ cùng lúc 200 container kiểm tra và chạy lạnh 24h/24h trong bãi. Hệ thống camera giám sát 24h/24h toàn bộ bãi container và khu vực dịch vụ khách hàng, kết nối tới màn hình led tại khu vực điều hành sản xuất. Hệ thống camera chụp tự động tại hai cổng ra vào bãi nhằm tăng cường quản lý container nhập/ xuất bãi.

Công ty xây dựng quy trình giao nhận container chuyên nghiệp, hiệu quả, cùng với đội ngũ người lao động lành nghề, giàu kinh nghiệm cung cấp dịch vụ giao nhận container chuyên nghiệp hàng đầu tại khu vực cảng biển phía Bắc.



6.2. Dịch vụ hỗ trợ khác

Nhằm cung cấp cho khách hàng một dịch vụ hoàn hảo, trọn gói, khép kín trong chuỗi dịch vụ lưu giữ bảo quản container tại bãi, Công ty cũng phát triển các dịch vụ kéo theo như dịch vụ vận tải container bằng đường bộ, dịch vụ duy tu sửa chữa container, dịch vụ lắp đặt thiết bị treo container, dịch vụ đóng mới container, dịch vụ làm sạch container bao gồm vệ sinh vách, sàn container, gỡ định vị hàng hóa trên sàn container, bóc các tem lưu ý về hàng hóa trong vận chuyển dán trên container... để giao khách hàng container trong tình trạng tốt, sạch sẵn sàng để đóng hàng.

▪ Dịch vụ sửa chữa container

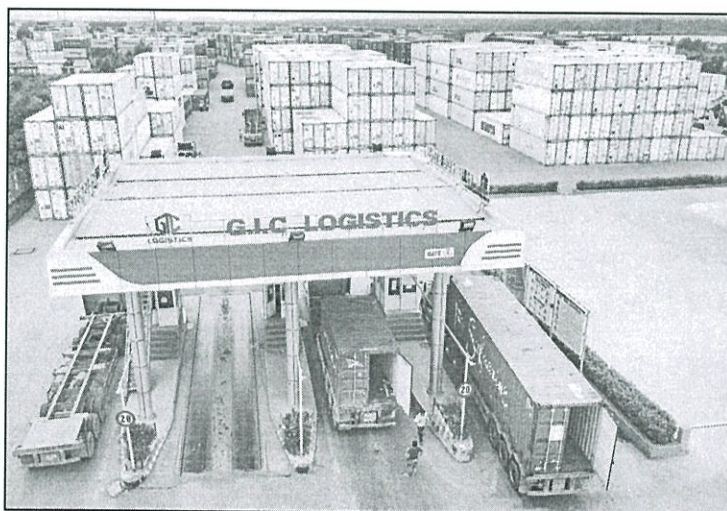
- Với xưởng sửa chữa riêng diện tích 2.000m², trong đó, diện tích sửa chữa có mái che 400m² luôn sẵn sàng sửa chữa container 24h/24h trong mọi thời tiết.
- Công ty trang bị máy công cụ phục vụ sửa chữa container chuyên dùng hiện đại như búa máy, máy hàn công nghiệp, máy phun sơn... đáp ứng đúng tiêu chuẩn Quốc tế về sửa chữa bảo trì container.
- Vật tư thay thế trong quá trình sửa chữa container như cột, vách, sàn container... đều theo tiêu chuẩn quốc tế IICL
- Đội ngũ kiểm tu, giám định container có trình độ chuyên môn được cấp chứng chỉ giám định container Quốc tế IICL cùng với kinh nghiệm giám định lâu năm, làm việc 24h/24h, sẵn sàng cung cấp ngay tình trạng hư hỏng/ tốt sạch... khi container nhập xuất bãi.

- Công ty đặt mua riêng phần mềm thiết lập phương án sửa chữa và lập báo giá sửa chữa container chuyên nghiệp theo chuẩn Quốc tế IICL, sẵn sàng gửi ngay phương án và báo giá sửa chữa container ngay khi container nhập bãi.
- Ngay sau khi được khách hàng chấp thuận phương án và báo giá sửa chữa, container được sửa chữa tại xưởng sửa chữa nằm trong bãi. Năng lực sửa chữa đạt 2400 container/tháng.
- **Dịch vụ vệ sinh container:** Container nhập bãi sẽ được chuyển ngay đến khu vực vệ sinh container để làm sạch toàn bộ container, gỡ đinh trên sàn, bóc tem hàng hóa nguy hiểm... hoặc sau khi sửa chữa container được làm sạch lại để đảm bảo container trong tình trạng tốt sạch, sẵn sàng giao khách hàng đóng hàng.



- **Dịch vụ vận chuyển container**

- Công ty hiện sở hữu 09 đầu kéo kèm theo moóc chuyên dùng mới, có trọng tải lớn đáp ứng được nhu cầu vận chuyển nhiều loại container, cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ theo bất cứ nhu cầu của khách hàng.
- Với quy trình quản lý chặt chẽ, đảm bảo an toàn, an ninh trong quá trình vận chuyển hàng hóa, công ty luôn cam kết nguyên vẹn hàng hóa và đúng thời gian theo yêu cầu của khách hàng.
- Đồng thời, công ty cũng có đội ngũ lái xe có kinh nghiệm và tận tụy với công việc.



6.3. Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ trong năm 2018, năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2020

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty là dịch vụ giao nhận - xếp dỡ - vận chuyển - lưu giữ - bảo quản container (gọi chung là dịch vụ khai thác bãi), và dịch vụ phụ trợ kéo theo là sửa chữa, container. Sản lượng, doanh thu của hai mảng dịch vụ như sau:

▪ **Sản lượng**

Bảng 3. Sản lượng các năm 2018, 2019 và 06 tháng đầu năm 2020

| TT | CHỈ TIÊU | ĐƠN VỊ | Năm 2018 | Năm 2019 | 6 tháng đầu năm 2020 |
|----|--------------------|-----------|----------|----------|----------------------|
| 1 | Khai thác bãi | teus | 434.942 | 431.873 | 161.403 |
| 2 | Sửa chữa container | container | 17.023 | 20.715 | 6.555 |

Nguồn: Công ty CP Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh

▪ **Doanh thu thuần và lợi nhuận gộp**

Bảng 4. Doanh thu thuần các năm 2018, 2019 và 06 tháng đầu năm 2020

Đơn vị: triệu đồng

| TT | CHỈ TIÊU | Năm 2018 | | Năm 2019 | | 6 tháng đầu năm 2020 | |
|----------|---|----------------|---------------|----------------|---------------|----------------------|---------------|
| | | Giá trị | Tỷ lệ | Giá trị | Tỷ lệ | Giá trị | Tỷ lệ |
| I | DOANH THU THUẦN | | | | | | |
| 1 | Doanh thu thuần Khai thác bãi (bao gồm Xếp dỡ, nâng hạ container và dịch vụ khác) | 145.663 | 86,96% | 173.203 | 86,12% | 87.974 | 94,16% |
| 2 | Doanh thu thuần Sửa chữa container | 21.848 | 13,04% | 27.910 | 13,88% | 5.457 | 5,84% |
| | Tổng cộng | 167.511 | 100,00 | 201.113 | 100,00 | 93.431 | 100,00 |

Nguồn: Công ty CP Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh

Doanh thu hàng năm của Công ty đến từ hoạt động khai thác bãi (bao gồm các dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ container và các dịch vụ khác) và sửa chữa container. Trong đó, doanh thu từ hoạt động Khai thác bãi luôn chiếm tỷ trọng lớn chủ yếu trong tổng doanh thu hàng năm của GIC (chiếm 74,41% năm 2018 và 77,97% năm 2019), còn lại là doanh thu từ dịch vụ sửa chữa container. Dịch vụ sửa chữa container là dịch vụ giá trị gia tăng cộng thêm của Công ty dành cho khách hàng sử dụng dịch vụ khai thác bãi, nhờ có dịch vụ giá trị gia tăng như sửa chữa, vệ sinh, vận chuyển container đã thiết lập lên gói dịch vụ khai thác bãi container khép kín, là lợi thế cạnh tranh đối với các bãi container khác, duy trì khách hàng cũ và thu hút khách hàng mới sử dụng dịch vụ của Công ty và tăng thêm hiệu quả Duy trì và tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận năm 2018 và 2019 và sáu tháng đầu năm 2020 cho thấy hướng đi đúng đắn về đầu tư bãi container, trang bị phương tiện thiết bị xếp dỡ, vận tải container chuyên dùng hiện đại, đồng thời ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với thời đại 4.0 cùng với tập thể lao động giỏi chuyên môn, giàu kinh nghiệm, trách nhiệm cao và gắn bó với Công ty.

Doanh thu năm 2019 tăng 20% so với năm 2018, đây là mức tăng trưởng cao đối với doanh nghiệp dịch vụ logistics trong thời điểm cạnh tranh gay gắt tại khu vực phía Bắc, đặc biệt với một doanh nghiệp vừa mới đi vào hoạt động cuối năm 2017 thì tỷ lệ tăng trưởng về doanh thu cho thấy công ty

đã rất nỗ lực để hoạt động có hiệu quả. Việc tăng trưởng doanh thu của GIC có được từ lợi thế là Công ty con của Vinconship, nhận được hỗ trợ lớn từ công ty mẹ do vậy ngay khi đi vào hoạt động công ty đã được nhiều Khách hàng lớn và hãng tàu lựa chọn là đối tác.

Sáu tháng đầu năm 2020 sản lượng và doanh thu của Công ty giảm 8% so với cùng kỳ năm 2019 là do ảnh hưởng của đại dịch Covid19 đối với toàn bộ nền kinh tế Thế giới nói chung và ngành cảng biển logistics của Việt Nam nói riêng. Mức ảnh hưởng trên là khá thấp so với các doanh nghiệp khác trong cả nước. Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2020 suy giảm không đáng kể so với LNST 06 tháng đầu năm 2019 (giảm 2,8%) nguyên nhân chính là do giá dầu diesel giảm và Công ty đã áp dụng các phương pháp cải tiến kỹ thuật trong sản xuất nhằm tăng năng suất lao động và ứng dụng công nghệ thông tin trong giao dịch trực tuyến, trong quản lý sản xuất... Doanh thu từ dịch vụ sửa chữa container trong nửa đầu năm 2020 chiếm tỷ trọng nhỏ (5,84%) do đây không phải hoạt động chính của GIC, nhu cầu sửa chữa container đến từ các khách hàng sử dụng dịch vụ khai thác bãi. Do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 như đã nêu trên các khách hàng không có nhu cầu đối với dịch vụ này của GIC dẫn đến tỷ trọng dịch vụ này giảm và tỷ trọng doanh thu từ khai thác bãi tăng cao trong cơ cấu Doanh thu 06 tháng đầu năm 2020.

Bảng 5. Lợi nhuận gộp các năm 2018, 2019 và 06 tháng đầu năm 2020

Đơn vị: triệu đồng

| TT | CHỈ TIÊU | Năm 2018 | | Năm 2019 | | 6 tháng đầu năm 2020 | |
|----|---------------|----------|------------|----------|-----------|----------------------|-----------|
| | | Giá trị | Tỷ lệ/ DTT | Giá trị | Tỷ lệ/DTT | Giá trị | Tỷ lệ/DTT |
| I | LỢI NHUẬN GỘP | 61.756 | 36,87 | 62.177 | 30,92 | 38.821 | 41,55 |

Nguồn: Công ty CP Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh

Tỷ suất Lợi nhuận gộp/doanh thu thuần của công ty đạt lần lượt là 36,87%, 30,9% trong năm 2018, 2019 và là 41,55% trong 06 tháng đầu năm 2020. Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần của GIC năm 2019 giảm nhẹ so với năm 2018 là do tốc độ tăng giá vốn hàng bán trong năm 2019 tăng cao hơn tốc độ tăng của doanh thu, tuy nhiên so với các DN cùng ngành, đặc biệt là công ty mới đi vào hoạt động như GIC thì đây cũng là mức cao..

Tỷ lệ lợi nhuận gộp/ doanh thu 06 tháng đầu năm 2020 cao hơn so với 06 tháng đầu năm 2019 (06 tháng đầu năm 2019 tỷ lệ lợi nhuận gộp/ doanh thu là 36,3%), chủ yếu là do giá dầu diesel giảm ... đồng thời công ty đã điều chỉnh việc ghi nhận chi phí hoa hồng trả cho các hãng tàu, thay vì ghi nhận vào giá vốn như mọi năm thì đã được tách và ghi nhận vào chi phí bán hàng.

6.4. Nguyên, nhiên, vật liệu

▪ Nguồn nguyên vật liệu:

Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong ngành logistics, chi phí nhiên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí kinh doanh. Nhiên liệu chính trong sản xuất của GIC là dầu diesel và các dầu mỡ phụ khác. Nguồn nhiên liệu được cung cấp bởi doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trong nước, Công ty ký hợp đồng có thời hạn một năm và tự động gia hạn một năm tiếp theo (nếu không có thỏa thuận khác) với số lượng cung cấp theo yêu cầu thực tế sử dụng để đảm bảo ổn định về nguồn cung và chất lượng nhưng không tồn kho tránh lãng phí...

Ngoài ra, Công ty sử dụng vật tư sửa chữa container chủ yếu là tôn, thép, ván sàn gỗ có nguồn cung từ các doanh nghiệp sản xuất trong nước... Công ty ký hợp đồng dài hạn theo năm với nhà cung cấp vật tư có đầy đủ chứng nhận chất lượng; cung cấp theo nhu cầu thực tế nhằm đảm bảo nguồn vật tư sửa

chứa container ổn định về số lượng, giá cả và chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn sửa chữa container Quốc tế IICL.

▪ **Sự ổn định của các nguồn nguyên vật liệu:**

Nguồn nhiên liệu, vật tư, nguyên liệu chính phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty được cung ứng trong nước ổn định; nguyên liệu, vật tư cũng như không khan hiếm về nguồn cung. Trong thời điểm toàn bộ nền kinh tế thế giới chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid19 đối với chuỗi cung ứng toàn cầu khi quá nhiều nguyên vật liệu, vật tư được cung ứng từ Trung Quốc (là nước phát sinh và bị ảnh hưởng lớn của Covid19), rất nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa ngừng hoạt động do đứt gãy nguồn cung nguyên, nhiên, vật liệu. Tuy nhiên, do Công ty sử dụng nguồn cung nhiên, nguyên vật liệu trong nước với hợp đồng thỏa thuận dài hạn, nên Công ty không bị ảnh hưởng nhiều của biến động giá cả nhiên, nguyên vật liệu và vẫn giữ được sự ổn định hoạt động.

Bảng 6. Bảng vật tư, nhiên liệu, nguyên liệu tiêu thụ của GIC trong các năm 2018, 2019 và 6 tháng đầu năm 2020

Đơn vị tính: đồng

| TT | DIỄN GIẢI | Năm 2018 | | Năm 2019 | | 6 tháng đầu năm 2020 | |
|----|--------------------------------|---------------|------------|---------------|------------|----------------------|------------|
| | | Giá trị | Tỷ lệ/tổng | Giá trị | Tỷ lệ/tổng | Giá trị | Tỷ lệ/tổng |
| 1 | Dầu diesel, dầu mỡ phụ | 10.873 | 43% | 15.226 | 44% | 6.174 | 39% |
| 2 | Gỗ ván sàn | 4.909 | 19% | 8.219 | 24% | 3.367 | 22% |
| 3 | Sắt thép | 2.012 | 8% | 3.560 | 10% | 947 | 6% |
| 4 | Nguyên vật liệu, phụ tùng khác | 7.671 | 30% | 7.698 | 22% | 5.162 | 33% |
| | TỔNG | 25.465 | | 34.703 | | 15.650 | |

Nguồn: Công ty CP Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh

▪ **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu và lợi nhuận:**

Giá cả các nguyên vật liệu đầu vào có ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty do đặc thù các ngành các nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí, giá vốn. Chính vì vậy, Công ty luôn chủ động lên kế hoạch kinh doanh sát với nhu cầu thực tế sử dụng nguồn nguyên nhiên liệu, đảm bảo bắt sát vào nhu cầu của Khách hàng theo các Hợp đồng nguyên tắc đã ký kết. Nhờ việc luôn chủ động và sát sao với tình hình hoạt động kinh doanh, trong 06 tháng đầu năm 2020, chi phí nguyên nhiên vật liệu của Công ty giảm 13,52% do giá dầu giảm mạnh. Do đó, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty tương đối được ổn định và giảm không quá nhiều trong điều kiện ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.

6.5. Chi phí sản xuất

Bảng 7. Chi phí sản xuất các năm 2018, 2019 và 06 tháng đầu năm 2020

| TT | Chi phí sản xuất kinh doanh | Năm 2018 | | Năm 2019 | | % tăng/giảm năm 2019/2018 (%) | 6 tháng đầu năm 2020 | |
|----|-----------------------------|----------------------|--------|----------------------|--------|-------------------------------|----------------------|--------|
| | | Giá trị (triệu đồng) | %/DTT | Giá trị (triệu đồng) | %/DTT | | Giá trị (triệu đồng) | %/DTT |
| 1 | Giá vốn | 105.755 | 63,13% | 138.936 | 69,08% | 31,38% | 54.610 | 58,45% |

| | | | | | | | | |
|------------------|------------------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|---------------|---------------|--------------|
| | hàng bán | | | | | | | |
| 2 | Chi phí tài chính | 10.459 | 6,24% | 8.656 | 4,30% | -17,24% | 3.483 | 3,73% |
| 3 | Chi phí bán hàng | 7.006 | 4,18% | 7.506 | 3,73% | 7,14% | 11.868 | 12,70% |
| 4 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 4.752 | 2,84% | 4.585 | 2,28% | -3,51% | 2.257 | 2,42% |
| Tổng cộng | | 127.972 | 76,40 | 159.683 | 79,40 | 24,78% | 72.218 | 77,30 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC soát xét bán niên 2020

Giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty, điều này là hoàn toàn phù hợp với một công ty hoạt động trong lĩnh vực logistics như GIC. Giá vốn hàng bán của Công ty trong các năm 2018, 2019 và 06 tháng đầu năm 2020 duy trì ở mức bình quân trên 63% so với Doanh thu thuần, trong đó năm 2018 tỷ lệ này là 63,13% và năm 2019 là 69,08%, tăng 6% so với năm 2018 do doanh thu của Công ty tăng (doanh thu tăng từ 167,5 tỷ đồng lên 201,1 tỷ đồng). Chi phí tài chính có xu hướng giảm (từ 6,24% năm 2018 xuống còn 4,3% năm 2019 và 3,73% 06 tháng đầu năm 2020), chi phí tài chính giảm chủ yếu do công ty hoạt động có lãi và công ty đã trả dần nợ vay Ngân hàng dẫn đến tổng giá trị dư nợ vay giảm và chi phí tài chính cũng giảm tương ứng.

Chi phí bán hàng trong 6 tháng đầu năm 2020 tăng mạnh chủ yếu là do từ 01/01/2020 GIC thực hiện hạch toán chi phí hoa hồng trả cho hãng tàu, khách hàng vào chi phí bán hàng (thay vì hạch toán vào giá vốn như các năm 2018, 2019).

6.6. Trình độ công nghệ

6.6.1 Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ các nghiệp vụ liên quan

Đáp ứng nhu cầu của khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ, Công ty trang bị phần mềm và thiết bị công nghệ thông tin với các giải pháp công nghệ thông tin giúp Công ty cung ứng các dịch vụ trực tuyến tới khách hàng nhằm tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành nghề, tối ưu khả năng chất xếp và sức chứa của bãi, tối ưu chi phí vận hành cũng như tăng tính chuyên nghiệp trong công tác quản lý chất lượng dịch vụ và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hệ thống phần mềm PL-TOS là hệ thống phần mềm quản lý giao nhận container chuyên dùng tối ưu nhất hiện nay cho khai thác bãi container. Hệ thống PLTOS bao gồm phần mềm cập nhật, lưu trữ tình hình nhập xuất container vào bãi, tình trạng container khi nhập, xuất bãi, vị trí container trong bãi, số lượng container tồn trong bãi... và các thiết bị điện tử cầm tay, máy tính cá nhân... kết nối trực tuyến cho phép nhập dữ liệu container ngay từ cổng vào và tự động chuyển dữ liệu tới toàn bộ hệ thống khai thác bãi của Công ty, chỉ một lần nhập dữ liệu từ đầu vào cho phép đủ dữ liệu phục vụ lập chứng từ giao nhận, lập hóa đơn GTGT điện tử, thanh toán online qua ngân hàng hoặc thanh toán tiền mặt tại bộ phận dịch vụ khách hàng. Kết nối với hệ thống phần mềm PLTOS là phần mềm kế toán, dịch vụ cung cấp hóa đơn điện tử, hệ thống thanh toán trực tuyến của các ngân hàng và cổng thông tin Hải quan thông qua ứng dụng E- depot trên website trực tuyến của Công ty.

- Với ứng dụng E-depot khách hàng có thể thực hiện giao dịch trực tuyến tất cả các dịch vụ của Công ty thông qua websites được kết nối với cổng thanh toán điện tử của ngân hàng, đơn vị cung cấp hóa đơn điện tử và thủ tục giao nhận trực tuyến.
- Phần mềm CRCE – là ứng dụng cho phép cập nhật tình trạng container hư hỏng theo kết quả giám định container vào bộ quy chuẩn sửa chữa container Quốc tế IICL được thiết lập trong phần mềm và cho kết quả là phương án sửa chữa, thay thế theo tiêu chuẩn IICL và báo giá sửa chữa container với chi phí vật tư và chi phí nhân công (tính bằng giờ) riêng biệt theo đúng yêu cầu của khách hàng.
- Phần mềm kế toán Bravo là phần mềm kế toán phổ biến hiện nay, cho phép kết nối tới hệ thống hóa đơn điện tử, hệ thống dịch vụ khách hàng và websites thanh toán trực tuyến của Công ty, đáp ứng được mọi yêu cầu về kế toán tài chính và quản trị Công ty theo quy định của Pháp luật hiện hành.
- Hệ thống website của Công ty được cập nhật thường xuyên, cung cấp các thông tin về dịch vụ của Công ty, các thông tin về đối tác, bạn hàng của Công ty và các thông tin đối với cổ đông của Công ty theo yêu cầu của Pháp luật hiện hành về quản trị công ty đại chúng.
- Hệ thống công nghệ thông tin được theo dõi, bảo trì thường xuyên bởi đội ngũ IT có kinh nghiệm trình độ, đảm bảo công tác kết nối hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn vận hành ổn định.

6.6.2 Trang thiết bị xếp dỡ và vận tải container chuyên dùng hiện đại, chất lượng đã được khẳng định của các thương hiệu hàng đầu

- Thiết bị xếp dỡ container rộng với sức nâng 10 tấn của thương hiệu Kalmar xuất xứ Phần Lan. Các sản phẩm của Kalmar đã được các doanh nghiệp cảng biển, kho bãi tin dùng sử dụng rộng rãi tại các cảng biển lớn trên thế giới với chất lượng bền bỉ, sở hữu các tùy chọn an toàn và khả năng chịu tải lớn cũng như dễ bảo trì.
- Thiết bị xếp dỡ container có hàng với sức nâng 46 tấn của Hyster xuất xứ châu Âu - là một trong những công ty hàng đầu thế giới về xe nâng thành lập năm 1929. Sản phẩm xe nâng của Hyster là dòng xe duy nhất có khả năng làm việc với cường độ lên tới 3000h/ năm, có khả năng hoạt động trong những môi trường làm việc khắc nghiệt nhất, các sản phẩm này không chỉ có khung gầm cứng cáp, động cơ hiệu suất cao mà còn tiết kiệm chi phí vận hành.
- Đội xe đầu kéo chuyên dùng nhãn hiệu International Prostar Limited xuất xứ Mỹ với lực kéo mạnh mẽ, mức tiêu hao nhiên liệu thấp, khả năng vận chuyển trên mọi địa hình khó khăn phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hóa, container có trọng tải lớn các loại.
- Máy công cụ và thiết bị sửa chữa container chuyên dùng như máy hàn công nghiệp, máy mài sàn container, máy cắt thép, gõ ván sàn, máy phun sơn, búa máy... được trang bị và ứng dụng trong sửa chữa container theo tiêu chuẩn IICL – tiêu chuẩn quốc tế về container.

6.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với chiến lược đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ theo hướng cung cấp các chuỗi dịch vụ khép kín thỏa mãn tối đa nhu cầu của Khách hàng đồng thời để đảm bảo phù hợp với xu thế phát triển các loại hình dịch vụ về vận tải, tạo lợi thế cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành, công ty đang liên tục

nghiên cứu nhu cầu của thị trường và các tiêu chuẩn Quốc tế của ngành dịch vụ hậu cần cảng biển để liên tục bổ sung dịch vụ giá trị công thêm.

Công ty đang triển khai dịch vụ lắp đặt các thiết bị đặc thù phục vụ đóng hàng trong container như thiết bị treo hàng may mặc, băng chuyền đóng hàng bao bì và các thiết bị chuyên dùng khác nhằm phát triển các dịch vụ đóng rút hàng tại bãi hiện tại và trong tương lai.

Công ty nghiên cứu để chuyển đổi, sửa chữa các container cũ thành văn phòng làm việc hiện trường di động để cung cấp dịch vụ cho thuê và bán văn phòng container di động...

Với thiết bị xếp dỡ chuyên dùng hiện đại và đội ngũ công nhân vận hành thiết bị chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, công ty sẽ phát triển dịch vụ xếp dỡ cho các cảng biển và bãi container trong khu vực lân cận hoặc cho thuê thiết bị, phương tiện bao gồm hoặc không bao gồm công nhân vận hành...

Để tối ưu hóa việc sử dụng phương tiện vận tải, Công ty đã và đang tìm kiếm và tìm đến các khách hàng có nhu cầu dịch vụ vận tải container đường bộ để phát triển dịch vụ này.

6.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Đối với việc duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, Công ty đã xây dựng các quy trình bao gồm các bước thực hiện của từng dịch vụ như quy trình nhận container, quy trình giám định container, quy trình sửa chữa container, quy trình giao container, quy trình vận chuyển container...

Tất cả các quy trình được thực hiện, giám sát thực hiện và đánh giá việc thực hiện định kỳ hàng tháng đồng thời áp dụng kỷ luật đối với người lao động vi phạm quy trình nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ và giảm thiểu rủi ro gây phát sinh chi phí...

Các quy trình cũng được thường xuyên xem xét, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với thực tế sản xuất...

Công ty cũng xây dựng quy chế lựa chọn nhà cung cấp, mua hàng, quy chế tuyển dụng... để đáp ứng nguồn lực về nhân công, nhiên liệu, vật tư phù hợp, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh...

Bên cạnh đó, Công ty cũng xây dựng các quy chế quản lý như quy chế trả lương nhằm đảm bảo thu nhập ổn định và công bằng cho người lao động; quy chế thi đua khen thưởng nhằm phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động; quy chế tài chính nhằm quản lý chặt chẽ doanh thu, chi phí của Công ty góp phần tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh...

6.9. Hoạt động Marketing

Đảm bảo chất lượng dịch vụ, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng nhằm giữ vững khách hàng truyền thống, đồng thời nỗ lực tìm kiếm, phát triển khách hàng mới là tiêu chí marketing của Công ty.

Lợi thế là một công ty con của Công ty cổ phần Container Việt Nam, dịch vụ của công ty nằm trong chuỗi mắt xích dịch vụ logistics của công ty mẹ, vì vậy công ty có cơ hội tiếp cận khách hàng của các công ty trong cùng hệ thống Viconship để phát triển mối quan hệ trở thành khách hàng và khách hàng tiềm năng của công ty trong tương lai.

Đồng thời tìm kiếm các khách hàng là các doanh nghiệp sản xuất, xuất nhập khẩu hàng hóa để tìm hiểu, giới thiệu dịch vụ và đáp ứng nhu cầu của khách hàng...

6.10. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty đã đăng ký tên giao dịch bằng tiếng Anh, tiếng Việt với cơ quan quản lý Nhà nước. Công ty cũng thiết kế và đăng ký logo, websites, tên miền của Công ty nhằm gây dựng thương hiệu riêng với tiêu chí trở thành Công ty dịch vụ hậu cần sau cảng hàng đầu tại Việt Nam và quảng bá thương hiệu với ngành Logistics toàn cầu...

Hiện nay công ty đang sử dụng Logo như sau:



Logo của Công ty chưa được đăng ký bản quyền tại cục sở hữu trí tuệ.

6.11. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Trên cơ sở ký kết các hợp đồng nguyên tắc (giá trị hợp đồng theo sản lượng thực tế phát sinh và biểu cước dịch vụ của Công ty hoặc giá thỏa thuận tại hợp đồng) thời hạn hợp đồng từ 1-2 năm với các cảng biển, các hãng tàu để trở thành bãi tập kết hàng hậu phương của cảng, là kho bãi lưu giữ container của các hãng tàu trong dịch vụ vận tải biển, logistics...

Thông qua các đối tác trên gián tiếp tiếp cận với khách hàng, phát sinh mua bán hàng hóa, dịch vụ của công ty là khách hàng xuất nhập khẩu của các hãng tàu cũng như cảng biển để cung cấp các dịch vụ kéo theo như vệ sinh, sửa chữa, vận chuyển container...

Hiện nay công ty đang là đối tác của các hãng tàu lớn trên thế giới như Maersk, Evergreen, Cosco, Namsung, Dongyoung, Hapag Lloyd's, OOCL, Yangming, TS Lines... đồng thời là depot hậu phương của cảng Greenport, Vip Greenport, PTSC...

Bảng 8. Các hợp đồng đã và đang thực hiện

| TT | Tên khách hàng | Ngày ký HĐ | Ngày hết hạn HĐ | Giá trị hợp đồng (*) | Nội dung |
|----|---|------------|-----------------|------------------------|---|
| 1 | Công ty cổ phần Container Việt Nam | 01/01/2020 | 31/12/2020 | Theo thực tế phát sinh | Hợp đồng nâng hạ container |
| 2 | Công ty TNHH MTV vận tải biển Ngôi sao xanh | 01/01/2020 | 31/12/2020 | Theo thực tế phát sinh | Hợp đồng nâng hạ và vệ sinh container |
| 3 | Công ty cổ phần Cảng Xanh VIP | 01/06/2019 | 31/12/2020 | Theo thực tế phát sinh | Hợp đồng nâng hạ container |
| 4 | Công ty cổ phần Cảng Xanh VIP | 01/01/2019 | 31/12/2020 | Theo thực tế phát sinh | Hợp đồng sửa chữa và vệ sinh container |
| 5 | Công ty cổ phần Cảng Xanh VIP | 01/02/2019 | 31/12/2020 | Theo thực tế phát sinh | Hợp đồng dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, container |
| 6 | Công ty cổ phần Cảng Xanh VIP | 01/02/2019 | 31/12/2020 | Theo thực tế phát sinh | Hợp đồng nâng hạ container xuất nhập tàu |



| | | | | | |
|---|---|------------|------------|------------------------|---|
| 7 | Công ty TNHH vận tải biển Liên Hợp | 01/01/2020 | 31/12/2020 | Theo thực tế phát sinh | Hợp đồng dịch vụ kho bãi |
| 8 | Công ty TNHH MTV dịch vụ cảng Xanh | 01/01/2020 | 31/12/2020 | Theo thực tế phát sinh | Hợp đồng dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, container |
| 9 | Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh | 01/04/2020 | 31/12/2020 | Theo thực tế phát sinh | Hợp đồng nâng hạ container |

(*) Các hợp đồng giữa Công ty và khách hàng thường được tái thực hiện hàng năm. Ngoài ra, căn cứ theo nhu cầu thực tế, các khách hàng của Công ty có thể ký Hợp đồng nguyên tắc, giá trị thực hiện sẽ được tính toán cụ thể trong từng năm.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong hai (02) năm gần nhất và quý gần nhất

- Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 9. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018, 2019 và 06 tháng đầu năm 2020

Đơn vị: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | % tăng giảm | 6 tháng đầu năm 2020 |
|---|-----------------|-----------------|-------------|----------------------|
| Tổng tài sản | 342.514.108.796 | 332.231.205.915 | -3,0% | 339.131.676.136 |
| Vốn chủ sở hữu | 162.095.122.402 | 202.261.746.877 | 24,78% | 221.455.675.862 |
| Doanh thu thuần | 167.510.993.542 | 201.112.951.588 | 20,06% | 93.431.438.276 |
| Lợi nhuận thuần HĐKD | 39.974.251.951 | 42.563.266.764 | 6,48% | 21.686.925.018 |
| Lợi nhuận khác | (22.907.623) | 103.357.711 | - | 7.003.967 |
| Lợi nhuận trước thuế | 39.951.344.328 | 42.666.624.475 | 6,80% | 21.693.928.985 |
| Lợi nhuận sau thuế | 39.951.344.328 | 42.666.624.475 | 6,80% | 21.693.928.985 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | - | 28,41% | - | - |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | 24,65% | 23,42% | - | - |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC soát xét bán niên 2020

Mặc dù mới đi vào hoạt động từ năm 2017 nhưng kết quả hoạt động kinh doanh của GIC trong năm 2018 tương đối tốt và có sự tăng trưởng trong năm 2019. Vốn chủ sở hữu của Công ty tăng từ 162 tỷ đồng năm 2018 lên mức 202 tỷ đồng năm 2019 chủ yếu do lợi nhuận giữ lại chưa phân phối năm 2018, 2019.

Doanh thu năm 2018 đạt 167 tỷ đồng, năm 2019 đạt 201 tỷ đồng, tương đương 120% so với năm 2018. Việc kiểm soát chi phí của GIC thực hiện tương đối tốt, thể hiện ở việc chi phí bán hàng năm 2019 có tăng so với 2018 (tăng 7%) nhưng tốc độ tăng thấp hơn nhiều so với mức tăng trưởng doanh thu (Doanh thu tăng trưởng 20%). Nhờ tiết giảm chi phí cũng như thực hiện việc kiểm soát chi phí tốt, năm 2019 chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty giảm 3,5%. Cùng với việc tăng trưởng doanh thu, và kiểm soát tốt chi phí nên Lợi nhuận sau thuế năm 2019 của GIC cũng có sự tăng trưởng so với năm

2018. Cụ thể Lợi nhuận năm 2019 đạt 42,66 tỷ đồng, tăng 2,7 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 6,8% so với năm 2018.

Mặc dù chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid19, doanh thu 06 tháng đầu năm 2020 của GIC đạt 93 tỷ đồng, giảm 8,18% so với cùng kỳ năm 2019 (06 tháng đầu năm 2019 Doanh thu đạt 101,7 tỷ đồng), tuy nhiên Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2020 vẫn đạt 21,6 tỷ đồng, giảm không đáng kể (giảm 2,82%) so với Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2019 (LNST 06 tháng đầu năm 2019 là 22,32 tỷ đồng). Sở dĩ đạt được kết quả lợi nhuận này là do giá vốn hàng bán giảm mạnh trong 06 tháng đầu năm, chủ yếu là do giá dầu diesel giảm và việc GIC đã dụng các phương pháp cải tiến kỹ thuật trong sản xuất nhằm tăng năng suất lao động và ứng dụng công nghệ thông tin trong giao dịch trực tuyến, trong quản lý sản xuất...

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

▪ Thuận lợi:

Mặc dù mới thành lập và hoạt động từ năm 2017 nhưng hoạt động kinh doanh của GIC khá thuận lợi (công ty hoạt động có lãi ngay từ năm đầu tiên). Với lợi thế là được hỗ trợ từ Công ty mẹ (Viconship, hiện sở hữu 66,34% vốn điều lệ của GIC) đã giúp công ty mặc dù mới thành lập nhưng đã được nhiều khách hàng lớn, hãng tàu tin tưởng và lựa chọn là đối tác. Theo đó, Công ty đã hoàn thành và vượt kế hoạch kinh doanh năm 2018, 2019.

Ngoài ra, Công ty được hình thành từ dự án đầu tư mới trong khu công nghiệp Đình Vũ, do đó được hưởng ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015. Công ty được miễn thuế TNDN 4 năm (từ năm 2017) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo.

▪ Khó khăn:

Tình hình kinh tế thế giới các năm tới được dự báo là khó khăn, đặc biệt do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 được dự báo còn kéo dài nên hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước, trong đó có GIC sẽ còn tiếp tục bị ảnh hưởng.

Thị trường dịch vụ logistics sẽ còn tiếp tục cạnh tranh cao: trong năm 2020 cũng như các năm tiếp theo, Công ty chịu sự cạnh tranh gay gắt nguồn khách hàng và giá cước, tác động trực tiếp đến thị phần của doanh nghiệp trên thị trường. Một số đối thủ cạnh tranh có năng lực bốc xếp hiệu quả, năng động trong thu hút khách hàng mới. Mặt khác, CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh còn bị cạnh tranh bởi các Doanh nghiệp tại các địa bàn Tỉnh/Thành phố có cảng lớn không nằm trong khu vực, ví dụ như Cảng Quảng Ninh, có thể thu hút tàu hàng từ khu vực Hải Phòng nói chung.

Công ty mới đi vào hoạt động từ năm 2017 nên việc tổ chức bộ máy hoạt động còn chưa đồng bộ, năng suất chất lượng của nhân sự hiện có còn hạn chế.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

▪ Vị thế của công ty trong ngành:

Lợi thế: Là một công ty con của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (VSC) với chuỗi dịch vụ logistics khép kín bao gồm hệ thống cảng biển, kho CFS (điểm gom hàng lẻ), bãi container, đội vận tải container chuyên nghiệp, xưởng sửa chữa; GIC có lợi thế lớn khi được kế thừa các khách hàng truyền thống của công ty mẹ là các hãng tàu lớn như Maersk, Evergreen, Cosco, Namsung,

Dongyoung, OOCL, TS Lines, Hapag Lloyd, Yangming, CMA CGM... và các doanh nghiệp sản xuất, các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu...; cùng các sự hỗ trợ lớn về mặt nhân sự, tài chính từ công ty mẹ. Đây là tiền đề để Công ty phát triển lớn mạnh trong tương lai.

Vị trí của kho bãi thuộc Công ty tọa lạc tại Khu công nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng, điểm giao với Quốc lộ 5B. Đây là cửa ngõ quan trọng, con đường huyết mạch kết nối cảng Hải Phòng tới các tỉnh thành phố phía Bắc. Đây là vị trí thuận lợi để khách hàng của GIC có thể nhanh chóng vận chuyển hàng hóa với chi phí thấp và hiệu quả.

So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của GIC so với các Công ty cùng ngành đã được niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán trong năm 2019:

Bảng 10. So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của GIC so với các Doanh nghiệp trong cùng ngành niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán trong năm 2019

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| Tiêu chí | CTCP Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh | CTCP Vận tải biển Sài Gòn (SGS) | CTCP Cảng Cam Ranh (CCR) | CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (DVP) | CTCP Cảng Hải Phòng (PHP) |
|------------------|--|---------------------------------|--------------------------|--|---------------------------|
| Doanh thu | 201 | 137 | 159,9 | 559,9 | 2.116,6 |
| LNST | 39,9 | 22,8 | 22,5 | 247,6 | 502,8 |
| Vốn điều lệ | 121 | 144,2 | 245 | 400 | 3.269,6 |
| Tổng tài sản | 332,2 | 235,5 | 360 | 1.278,6 | 5.785,2 |
| Vốn CSH | 202,6 | 189,6 | 275,5 | 1.171,1 | 4.408,2 |
| EPS (nghìn đồng) | 3,3 | 0,14 | 0,9 | 6,19 | 1,19 |
| ROE | 19,45% | 11,8% | 8,02% | 21,14% | 8,8% |
| ROA | - | 9,5% | 6,14% | 19,37% | 6,7% |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của các Công ty

Khó khăn: Đối với GIC, ngoài những lợi thế đã nêu trên, Công ty cũng đang phải gặp phải một số khó khăn liên quan tới môi trường kinh doanh cũng như bất cập về chính sách như sau:

- **Sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp cùng ngành, cùng địa bàn:** Hải Phòng với vị trí là một trong những cảng lớn nhất Việt Nam, có lưu lượng thông quan lớn nhất phía Bắc, tập trung đến 90% lượng container và hơn 50% tổng lượng hàng hóa xuất nhập khẩu tại khu vực. Theo đó, tại địa bàn Tp. Hải Phòng có tới hơn 500 doanh nghiệp logistics lớn nhỏ, dẫn đến sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các doanh nghiệp logistics.
- **Quy định pháp luật:** Một số quy định còn chùng chéo, tồn tại các thủ tục hành chính và kiểm tra chuyên ngành chưa phù hợp. Các chính sách chưa kịp thời sửa đổi cho phù hợp với đặc thù của hoạt động logistics thực tế. Các thủ tục thông quan còn khó khăn, phức tạp, mất thời gian và chi phí.
- **Tình hình dịch Covid-19:** Tính đến Tháng 09/2020, Việt Nam đã cơ bản kiểm soát thành công dịch Covid-19 trong cộng đồng và không có ca nhiễm mới nào. Tuy nhiên, tình hình dịch tại các nước trên thế giới và tại khu vực Châu Á vẫn đang diễn biến phức tạp, chưa có

dấu hiệu suy giảm. Vì vậy vẫn tồn tại nguy cơ bùng phát dịch mới tại Việt Nam, ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh tế cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.

▪ **Triển vọng phát triển của ngành trong năm 2020 và những năm tới**

Khó khăn trong năm 2020

Là quốc gia ven biển, Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển ngành logistics, hiện tại nước ta có 44 cảng biển, hơn 219 bến cảng và 373 cầu cảng với nhiều cảng biển có lợi thế lớn. Ngành dịch vụ logistics đang phát triển mạnh mẽ và tất yếu trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa toàn cầu, ngành logistics với ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại ngày càng phát triển với chuỗi cung ứng dịch vụ vận chuyển hàng hóa door to door đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng trong nước và Quốc tế...

Trong nửa đầu năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid, chuỗi cung ứng toàn cầu đã có biến động mạnh, lần đầu tiên từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, kinh tế thế giới đã phải đối mặt với khủng hoảng liên quan tới đứt gãy chuỗi cung ứng. Do dịch Covid-19, các doanh nghiệp gần như bị đóng băng do không có nguồn cung, khi đã được nói lỏng thì lại không có khách hàng, đồng thời cũng phải xử lý các thủ tục hành chính mới tại các nước nhập khẩu, ảnh hưởng tới chất lượng của một số sản phẩm xuất khẩu.

Vì vậy, các khó khăn trên đã khiến doanh thu của các doanh nghiệp logistics bị giảm mạnh từ 10 – 30 % so với cùng kỳ năm ngoái. Cụ thể, có khoảng 15% doanh nghiệp bị giảm 50% doanh thu so với 2019, hơn 50% doanh nghiệp giảm số lượng dịch vụ logistics trong nước và quốc tế.

Cơ hội cho ngành logistics Việt Nam

Tuy nhiên, trong khi các nước trong khu vực hoặc Trung Quốc vẫn phải gồng mình chống dịch bằng biện pháp cách ly xã hội và trì hoãn các hoạt động kinh tế, Việt Nam lại là một trong những nước đầu tiên trên thế giới kiểm soát thành công dịch Covid và tiến hành mở cửa kinh tế trong nước, đây là cơ hội vàng cho các doanh nghiệp Việt Nam giữa đại dịch.

Các doanh nghiệp xuất khẩu ở Việt Nam luôn phải cạnh tranh rất khốc liệt với doanh nghiệp Trung Quốc, nhưng với bối cảnh này, khi thị trường Trung Quốc gần như đóng băng, doanh nghiệp Việt Nam nên tận dụng tốt cơ hội để tìm kiếm các nhà nhập khẩu mới. Không chỉ vậy, do căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, nhiều nhà nhập khẩu có xu hướng chuyển dịch từ Trung Quốc sang Việt Nam. Covid-19 chính là chất xúc tác làm tăng tốc sự chuyển dịch này. Ngoài ra, tâm lý, hành vi người mua hàng cũng đã thay đổi rõ rệt khi phải cách ly tại nhà. Xu hướng mua hàng đang chuyển dần từ trực tiếp sang trực tuyến. Thêm vào đó, để kích thích nền kinh tế cũng như hỗ trợ các doanh nghiệp gặp khó khăn vì Covid-19, Chính phủ Việt Nam đã và đang triển khai nhiều chính sách hỗ trợ rất tích cực như hỗ trợ giảm chi phí kinh doanh, hỗ trợ tín dụng và điều hành tỷ giá, hỗ trợ chính sách tài khóa...v.v...

Đó là động lực để doanh nghiệp Việt tiếp cận các nền tảng thương mại điện tử. Thị trường logistics đang thu hút trên 4.000 doanh nghiệp, tập trung chủ yếu ở Hà Nội và TP.HCM. Trong đó, có khoảng 30 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics xuyên quốc gia đang hoạt động tại Việt Nam, với các tên tuổi lớn như DHL, FedEx, Maersk Logistics, APL Logistics, CJ Logistics, KMTTC Logistics... Ngành logistics Việt Nam đang trở thành lĩnh vực có đà tăng trưởng nóng, đặc biệt khi Covid-19 bùng phát.

Theo Tổng cục Hải Quan, tháng 05/2020 đã chứng kiến tăng trưởng trở lại của xuất nhập khẩu Việt Nam, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam ước đạt 37,9 tỷ USD, tăng 5% so với tháng trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 18,5 tỷ USD, tăng 5,2% và kim ngạch nhập khẩu ước đạt 19,4 tỷ USD, tăng 4,7%. Kỳ vọng trong nửa cuối năm 2020, khi các nước trên thế giới sớm không chế được dịch bệnh, kinh tế Việt Nam cũng như ngành logistics nói riêng sẽ có sự tăng trưởng mạnh mẽ.

- **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.**

Với định hướng phát triển hệ thống dịch vụ logistics Tp. Hải Phòng theo hướng hiện đại, đồng bộ và bền vững để Hải Phòng trở thành trung tâm logistics cấp quốc gia, có vai trò quốc tế và trọng điểm phát triển kinh tế biển. UBND Thành phố Hải Phòng đã phê duyệt “*Quy hoạch phát triển hệ thống logistics Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*”. Theo đó, Hải Phòng sẽ hoàn thiện các mạng lưới logistics trên địa bàn thành phố, kết nối các trung tâm logistics, phấn đấu đến năm 2025 quy hoạch 6 trung tâm logistics với công suất thông qua khoảng 90,65 triệu tấn/năm. Đến năm 2030 tiếp tục mở rộng đầu tư 6 trung tâm logistics, tổng công suất đạt 140,35 triệu tấn/năm.

Chính vì vậy, GIC hướng tới việc trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực logistics tại Việt Nam, định hướng phát triển của công ty phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong công ty (tính đến ngày 30/06/2020):

Tại thời điểm 30/06/2020 tổng số lao động trong Công ty là 148 người, trong đó bao gồm:

Bảng 11. Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/06/2020

| STT | Trình độ | Tổng số lao động | Tỷ lệ % |
|-----|----------------------------------|------------------|-------------|
| 1 | Trên đại học | 0 | 0 |
| 2 | Đại học | 53 | 35,81% |
| 3 | Cao đẳng | 15 | 10,14% |
| 4 | Trung cấp | 45 | 30,41% |
| 5 | CN Kỹ thuật, LĐPT, trình độ khác | 35 | 23,64% |
| | Tổng cộng | 148 | 100% |

Nguồn: CTCP Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp của Công ty:

- Người lao động trong công ty đều có Hợp đồng lao động và được hưởng đầy đủ chế độ chính sách đối với Người lao động theo Luật lao động, Thỏa ước lao động tập thể nhằm đảm bảo quyền lợi cao nhất cho người lao động để người lao động yên tâm gắn bó với Công ty, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, v.v...
- Công ty thực hiện chế độ làm việc 6 ngày làm việc/ tuần và 8 giờ/ ngày.
- Công ty cũng thực hiện chế độ tiền lương minh bạch và trả lương đúng kỳ hạn. Công ty áp dụng

chính sách trả lương theo năng suất và hiệu quả làm việc của từng lao động. Các định mức lao động, đơn giá tiền lương cũng được rà soát, điều chỉnh định kỳ cho phù hợp với thực tế SXKD. Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có sáng kiến và giải pháp lý thuật đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Hằng năm, Công ty tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan, du lịch nhằm khuyến khích động viên người lao động gắn bó với công ty.

- Về đào tạo, năm 2018 khi đầu tư thêm nhiều thiết bị xếp dỡ và phương tiện vận tải Công ty đã tuyển dụng hơn 30 người lao động giỏi từ các doanh nghiệp cùng ngành nghề và một số sinh viên mới tốt nghiệp có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ giỏi để kịp thời thực hiện các yêu cầu về vận hành thiết bị, phương tiện; thực hiện công việc kiểm tu, báo giá, sửa chữa container của hãng tàu và cũng để đào tạo nguồn nhân lực chủ chốt trong tương lai. Đồng thời, công ty luôn nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong phát triển công ty, do vậy công ty đặc biệt chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn của cán bộ công nhân viên. Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo trực tiếp lao động ngay tại công ty kết hợp với việc cử những lao động có tay nghề cao, kinh nghiệm lâu năm tham dự các khóa đào tạo kiến thức, kỹ năng thực hiện các ngành nghề, dịch vụ mà công ty định hướng phát triển; thường xuyên cử các nhóm lao động tham gia các khóa đào tạo về kỹ năng, các lớp chuyên môn nghiệp vụ như đào tạo và cấp chứng chỉ IICL... đồng thời đa số CBCNV đều có chứng chỉ An toàn vệ sinh lao động, PCCN... theo quy định của Luật Lao động.
- Mức lương trung bình của CBCNV Công ty:

Bảng 12. Mức thu nhập bình quân các năm 2018, 2019 và 06 tháng đầu năm 2020

| Chỉ tiêu | NĂM 2018 | NĂM 2019 | 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 |
|---|----------|----------|----------------------|
| Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng) | 13,2 | 15,3 | 16,6 |

Nguồn: CTCP Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh

10. Chính sách cổ tức:

Căn cứ theo quy định Luật hiện hành và Điều lệ hoạt động của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua, Công ty sẽ chi trả cho cổ đông như sau:

- Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế cũng như các nghĩa vụ tài chính khác theo luật định;
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương tỷ lệ sở hữu;
- Tỷ lệ cổ tức và hình thức chi trả cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT, căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh và phương án hoạt động kinh doanh các năm tới.

Theo đó, tuy GIC mới chỉ được thành lập từ năm 2017, tuy nhiên hoạt động kinh doanh của Công ty đã có lãi. Công ty đã chi trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông hiện hữu vào tháng 8/2020.

Bảng 13. Tình hình chi trả cổ tức từ năm 2017 đến năm 2019

| Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 | Đơn vị tính: Đồng |
|----------|----------|----------|-------------------|
| | | | Năm 2019 |
| | | | |

| Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 |
|-------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Vốn điều lệ | 101.000.000.000 | 121.200.000.000 | 121.200.000.000 |
| Lợi nhuận | 1.043.778.074 | 39.951.344.328 | 42.666.624.475 |
| Cổ tức | 0% | 0% | 10% |

Nguồn: CTCP Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản:

11.1.1. Trích khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản theo phương pháp đường thẳng, theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013, được bổ sung tại thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 26/05/2017 của Bộ Tài chính về quản lý và khấu hao tài sản cố định. Thời gian cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

Bảng 14. Thời gian khấu hao của các loại tài sản

| STT | Tài sản | Thời gian khấu hao (năm) |
|-----|------------------------|--------------------------|
| 1 | Nhà cửa | 05-25 |
| 2 | Máy móc và thiết bị | 03-06 |
| 3 | Phương tiện vận chuyển | 03-07 |
| 4 | Thiết bị văn phòng | 04-05 |



11.1.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn. Căn cứ theo BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và báo cáo tài chính soát xét 06 tháng đầu năm 2020, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, Công ty cũng không có nợ quá hạn.

11.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế theo quy định của Nhà nước.

Bảng 15. Số dư các khoản phải nộp tại thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/06/2020

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 30/06/2020 |
|-----|--|-------------|-------------|-------------|
| 1 | Thuế thu nhập cá nhân | 111.918.024 | 218.311.113 | 251.316.960 |
| 2 | Thuế GTGT (được khấu trừ với thuế GTGT đầu vào của giá trị đầu tư dự án ban đầu) | | | |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC soát xét bán niên 2020

Công ty được hình thành từ dự án đầu tư mới trong khu công nghiệp Đình Vũ, do đó được hưởng ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015. Công ty được miễn thuế TNDN 4 năm (bắt đầu từ năm 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (từ 2021 đến năm 2029).



11.1.4. Trích lập các quỹ theo luật định:

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành:

- Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, ĐHĐCĐ thông qua việc trích Quỹ Đầu tư phát triển là: 943.778.074 VNĐ.
- Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, ĐHĐCĐ thông qua việc trích Quỹ Đầu tư phát triển là: 37.451.344.328 VNĐ.

Trong năm 2019, công ty đã trích lập đầy đủ quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 và 2019 là 38.395.122.402 VNĐ.

Bảng 16. Số dư các khoản trích lập tại thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/06/2020

| Đơn vị tính: Đồng | | | | |
|-------------------|---------------------------|------------|----------------|----------------|
| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 30/06/2020 |
| 1 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 30.080.000 | 1.473.080.000 | 3.076.705.000 |
| 2 | Quỹ đầu tư phát triển | - | 38.395.122.402 | 66.441.746.877 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC soát xét bán niên 2020

11.1.5. Tổng dư nợ vay của Công ty theo BCTC:**Bảng 17. Số dư các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/06/2020**

| Đơn vị tính: Đồng | | | | |
|-------------------|--|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 30/06/2020 |
| 1 | Nợ vay ngắn hạn (Vay dài hạn đến hạn trả) | 25.948.000.000 | 20.207.407.407 | 25.096.296.296 |
| 2 | Nợ vay dài hạn | 119.689.712.622 | 76.234.082.993 | 63.685.934.845 |
| TỔNG | | 145.637.712.622 | 96.441.490.400 | 88.782.231.141 |

BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC soát xét bán niên 2020

Chi tiết nợ vay dài hạn như sau:

- Khoản vay không thế chấp tài sản được Công ty vay của công ty mẹ (Viconship) theo các hợp đồng:

(i) Hợp đồng tiếp nhận hỗ trợ vốn số 250317 ngày 25/03/2017:

- Hạn mức cho vay: 65.000.000.000VNĐ (Sáu mươi lăm tỷ đồng./.)
- Thời hạn cho vay: 60 tháng
- Số tiền giải ngân thực tế: 58.000.000.000
- Dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2020: 31.111.111.111

(ii) Hợp đồng tiếp nhận hỗ trợ vốn số 270618 ngày 27/06/2018

- Hạn mức cho vay: 37.000.000.000VNĐ (Ba mươi bảy tỷ đồng./.)
- Thời hạn cho vay: 60 tháng

- Số tiền giải ngân thực tế: 22.000.000.000
- Dự nợ gốc tại thời điểm 30/06/2020: 18.007.407.408
- Khoản vay có thể chấp tài sản được Công ty vay ngân hàng TMCP Ngoại thương theo thông tin:
 - Hợp đồng cho vay số 01/2017/GIC-VCB ngày 04/05/2017
 - Hạn mức cho vay: 120.000.000.000VNĐ (Một trăm hai mươi tỷ đồng./.)
 - Thời hạn cho vay: 96 tháng
 - Số tiền giải ngân thực tế: 88.915.712.622
 - Dự nợ gốc tại thời điểm 30/06/2020: 31.663.712.622
 - Tài sản đảm bảo:
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lô đất CC2, khu công nghiệp MP Đình vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, tp Hải Phòng.
 - Tài sản gắn liền với đất bao gồm nhà văn phòng, bãi container, xưởng sửa chữa, và các công trình phụ trợ khác.
 - Máy móc thiết bị giải ngân bằng nguồn vốn vay

11.1.6. Tình hình công nợ hiện nay:

Bảng 18. Số dư các khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/06/2020

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 30/06/2020 |
|----------|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| I | Các khoản phải thu ngắn hạn | 11.616.507.536 | 14.636.090.488 | 12.015.324.287 |
| 1 | Phải thu khách hàng | 11.589.367.536 | 9.383.028.818 | 11.164.324.287 |
| 1.1 | <i>CTCP Container Việt Nam</i> | 487.457.300 | - | - |
| 1.2 | <i>CTCP cảng Xanh VIP</i> | 9.671.619.252 | 8.302.759.675 | 8.505.973.471 |
| 1.3 | <i>Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Ngôi sao Xanh</i> | 731.746.015 | 551.697.850 | 897.120.202 |
| 1.4 | <i>Công ty TNHH Vận tải biển Liên hợp</i> | 69.493.955 | 224.978.840 | 153.423.400 |
| 1.6 | <i>Công ty TNHH Hoi Wah Shipping Agencies (Việt Nam)</i> | 138.304.666 | 113.438.452 | 97.619.076 |
| 1.7 | <i>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh</i> | - | - | 1.301.393.500 |
| 1.8 | <i>Công ty TNHH Nam Sung Shipping Việt nam</i> | - | 39.142.256 | 96.648.313 |
| 1.9 | <i>Các khách hàng khác</i> | 490.746.348 | 151.011.745 | 112.146.325 |
| 2 | Trả trước cho người bán | 8.000.000 | 3.171.872.770 | 60.000.000 |
| 3 | Các khoản phải thu khác | 19.140.000 | 2.081.188.900 | 791.000.000 |
| 4 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | - | - | - |



| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 30/06/2020 |
|-----|----------------------------|------------|------------|------------|
| II | Các khoản phải thu dài hạn | - | - | - |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC soát xét bán niên 2020

Các khoản phải thu khách hàng của Công ty chủ yếu là các khoản thu theo hợp đồng với các đối tác lớn như: Công ty TNHH MTV vận tải biển Ngôi Sao Xanh; Công ty cổ phần Cảng xanh VIP; Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh; Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh; Công ty TNHH vận tải biển Liên Hợp... các khoản phải thu luôn duy trì ở mức dưới 30% tài sản lưu động, với đặc thù của ngành của công ty thì đây là tỷ lệ hợp lý. Đồng thời Công ty đảm bảo việc đối chiếu công nợ được thực hiện theo đúng quy định và không có khoản phải thu quá hạn.

11.1.7. Các khoản phải trả của GIC:

Bảng 19. Số dư các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/06/2020

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 30/06/2020 |
|----------|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| I | Nợ ngắn hạn | 60.729.273.772 | 53.735.376.045 | 53.990.065.429 |
| 1 | Phải trả người bán | 16.471.972.804 | 10.054.115.948 | 8.798.497.795 |
| 1.1 | Công ty CP container Việt Nam | 9.361.889.347 | 3.343.544.469 | 4.310.119.628 |
| 1.2 | Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh | 180.997.982 | 719.356.033 | 724.518.337 |
| 1.3 | Công ty CP Lốp Ô tô Thăng Long | 401.445.000 | 1.217.403.000 | 242.649.000 |
| 1.4 | Công ty TNHH vật tư Trường Thành | 820.776.000 | 1.076.897.250 | 285.881.200 |
| 1.5 | Công ty TNHH Thương mại Huyền Yến | 589.050.000 | 774.675.000 | 695.750.000 |
| 1.6 | Công ty TNHH Xây dựng và trang trí nội thất Thăng Long | 1.778.620.910 | 498.300.000 | 609.032.600 |
| 1.7 | Công ty TNHH đầu tư thương mại Đạt Phát | 488.180.000 | 435.187.500 | 172.738.500 |
| 1.8 | Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá | 476.811.883 | 331.989.827 | 0 |
| 1.9 | Các nhà cung cấp khác | 2.374.201.682 | 1.656.762.869 | 1.757.808.530 |
| 2 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | - | 44.301.000 | 39.248.000 |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp NN | 111.918.024 | 218.311.113 | 251.316.960 |
| 4 | Phải trả người lao động | 13.861.119.502 | 17.768.590.982 | 13.517.675.073 |

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 30/06/2020 |
|-----------|---------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 5 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 4.055.998.395 | 3.848.484.925 | 2.940.130.262 |
| 6 | Các khoản phải trả khác | 242.185.047 | 120.084.670 | 270.196.043 |
| 7 | Nợ vay ngắn hạn | 25.948.000.000 | 20.207.407.407 | 25.096.296.296 |
| 8 | Quỹ khen thưởng phúc lợi | 38.080.000 | 1.473.080.000 | 3.076.705.000 |
| II | Nợ dài hạn | 119.689.712.622 | 76.234.082.993 | 63.685.934.845 |
| 1 | Vay dài hạn | 119.689.712.622 | 76.234.082.993 | 63.685.934.845 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC soát xét bán niên 2020

- Các khoản phải trả người bán của Công ty chủ yếu là các khoản trả theo hợp đồng cung cấp nguyên, nhiên vật liệu với các nhà cung cấp như Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh, Công ty CP container Việt Nam, Công ty TNHH Xây dựng và trang trí nội thất Thăng Long, Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá, v.v... Công ty luôn đảm bảo việc đối chiếu công nợ được thực hiện theo đúng quy định và không có khoản phải trả quá hạn.

- Các khoản phải trả người lao động chủ yếu là là lương và các khoản bù lương sẽ chi vào cuối năm, cuối kỳ, và theo quy chế tiền lương của công ty.

11.1.8. Chỉ tiêu hàng tồn kho:

Bảng 20. Số dư hàng tồn kho thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/06/2020

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 30/06/2020 |
|-----|-------------------|--------------------|--------------------|-------------------|
| 1 | Nguyên, vật liệu | 85.808.000 | 62.846.000 | 10.186.000 |
| 2 | Phụ tùng thay thế | 286.544.000 | 174.996.000 | 72.311.000 |
| | Tổng cộng | 372.352.000 | 237.842.000 | 82.497.000 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC soát xét bán niên 2020

11.1.9. Chi phí trả trước dài hạn:

Bảng 21. Số dư khoản chi phí trả trước dài hạn tại thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/06/2020

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 30/06/2020 |
|-----|---------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| 1 | Chi phí trả trước dài hạn | 132.014.882.037 | 128.149.499.741 | 126.301.399.854 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC soát xét bán niên 2020

Đây là khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ dần vào từng kỳ kinh doanh, trong đó chủ yếu là khoản chi phí đất trả trước, chi tiết như sau:

Chi phí thuê lại lô đất CC2 Khu công nghiệp Minh Phương Đình Vũ theo hợp đồng thuê lại đất số 61/2017/HĐTĐ-MP ngày 25/01/2017 của Công ty với Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Minh Phương. Chi phí này được phân bổ hàng năm theo phương pháp đường thẳng vào từng kỳ kinh doanh trong vòng 40 năm vì không đủ điều kiện là tài sản cố định do nguồn gốc của lô đất là Đất thuê trả tiền hàng năm (Ghi tại mục II.1.g trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất):

- Giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất: 136.363.636.364 VND

- Thời hạn thuê lại: 40 năm 2 tháng từ 14/4/2017 đến 30/6/2057
- Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2020 là: 126.301.399.854 VNĐ

11.1.10. Giao dịch với các bên có liên quan:

Về mối liên hệ giữa các bên liên quan, số dư với các bên liên quan chi tiết như sau:

Bảng 22. Giao dịch với các bên có liên quan

| TT | Tên Công ty | Mối quan hệ với GIC | Số dư tại ngày 31/12/2019 (đồng) |
|----|--|---|--|
| 1 | Công ty cổ phần container Việt Nam | +/ Công ty mẹ (Viconship). +/ Ông Nguyễn Thế Trọng là Thành viên HĐQT của Viconship đồng thời là thành viên HĐQT của GIC. +/ Ông Nguyễn Việt Trung là thành viên HĐQT của Viconship đồng thời là thành viên HĐQT của GIC. | +/ Phải thu: 0 +/ Phải thu khác: 1.043.700.000 +/ Phải trả: 3.040.861.751 +/ Phải trả khác: 0 +/ Nợ gốc vay dài hạn phải trả: 64.777.777.778 |
| 2 | Công ty cổ phần Cảng Xanh VIP | +/ Công ty con của cùng Công ty mẹ. +/ Ông Cáp Trọng Cường là Giám đốc của CTCP Cảng Xanh VIP đồng thời là thành viên HĐQT của GIC. | +/ Phải thu: 8.302.759.675 +/ Phải thu khác: 0 +/ Phải trả: 0 +/ Phải trả khác: 0 |
| 3 | Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh | +/ Công ty con của cùng Công ty mẹ. +/ Ông Nghiêm Tuấn Anh là chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc của Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh đồng thời là thành viên HĐQT của GIC. | +/ Phải thu: 0 +/ Phải thu khác: 0 +/ Phải trả: 719.356.033 +/ Phải trả khác: 0 |
| 4 | Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi Sao Xanh | +/ Công ty con của cùng Công ty mẹ. +/ Ông Nguyễn Việt Trung là chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc của Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi Sao Xanh đồng thời là thành viên HĐQT của GIC. | +/ Phải thu: 551.697.850 +/ Phải thu khác: 0 +/ Phải trả: 0 +/ Phải trả khác: 0 |
| 5 | Công ty Cổ phần Container Miền Trung | Công ty con của cùng Công ty mẹ. | +/ Phải thu: 0 +/ Phải thu khác: 0 +/ Phải trả: 0 +/ Phải trả khác: 0 |

Nguồn: CT CP Đầu tư dịch vụ và phát triển Xanh

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 23. Các chỉ tiêu tài chính năm 2018, 2019

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 |
|---|----------|----------|
| Khả năng thanh toán | | |
| Tỷ số thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) | 1,10 | 1,01 |
| Tỷ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | 1,09 | 1,01 |



| Cơ cấu nợ | | |
|--|--------|--------|
| Nợ phải trả/Tổng tài sản | 0,52 | 0,39 |
| Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu | 1,11 | 0,64 |
| Hiệu quả hoạt động | | |
| Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Giá trị TB của hàng tồn kho) | 284,02 | 433,98 |
| Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân) | 0,49 | 0,60 |
| Khả năng sinh lời | | |
| LNST/Doanh thu thuần (%) | 23,85% | 21,22% |
| LNST/Tổng tài sản bình quân (%) | 11,66% | 12,65% |
| LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân (%) | 24,65% | 23,42% |
| Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần (%) | 23,86% | 21,16% |

Nguồn: Tính toán dựa theo số liệu BCTC kiểm toán năm 2019

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-----------------------|-----------------|
| 1 | Ông Nguyễn Thế Trọng | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Ông Trần Xuân Bạo | Thành viên HĐQT |
| 3 | Ông Hoàng Tiến Lục | Thành viên HĐQT |
| 4 | Ông Nguyễn Việt Trung | Thành viên HĐQT |
| 5 | Ông Nghiêm Tuấn Anh | Thành viên HĐQT |
| 6 | Ông Cáp Trọng Cường | Thành viên HĐQT |
| 7 | Ông Bùi Minh Hưng | Thành viên HĐQT |

Các thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

❖ Ông Nguyễn Thế Trọng – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: Nguyễn Thế Trọng
 Căn cước công dân số: 031078002237 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 31/05/2016
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 01/11/1978
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Cộng Hòa, Yên Hưng, Quảng Ninh
 Địa chỉ thường trú: Tổ 7, khu Thụ Trung, P. Đằng Lâm, Q. Hải An, TP. Hải Phòng
 Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xếp dỡ, cử nhân quản trị doanh nghiệp

Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ - đơn vị công tác |
|---------------------|---|
| 02/2012 – 03/2015 | Phó Tổng giám đốc Công ty CP Container Việt Nam |
| 03/2015 đến nay | Giám đốc Kỹ thuật, Ủy viên HĐQT Công ty CP Container Việt Nam |
| 01/2017 – 06/2017 | Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty CP đầu tư dịch vụ và phát triển xanh |
| 07/2017 đến 04/2018 | Ủy viên HĐQT Công ty CP đầu tư dịch vụ và phát triển xanh |
| 05/2018 đến nay | Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư dịch vụ và phát triển xanh |

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc kỹ thuật, Ủy viên HĐQT – Công ty CP container VN

Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.680.000 cổ phần, tương đương với tỷ lệ 22,11% vốn điều lệ của GIC. Trong đó:

+ Đại diện vốn chủ sở hữu cho Công ty cổ phần container Việt nam: 2.680.000 cổ phần, tương đương 22,11% vốn điều lệ GIC.

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Số cổ phần của người có liên quan:

| Tên cổ đông | Mối quan hệ | Số lượng nắm giữ | Tỷ lệ |
|-----------------|-------------|------------------|-------|
| Nguyễn Thị Thủy | Vợ | 18.000 | 0,14% |

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có

Các khoản nợ đối với Công ty: không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận từ công ty: Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng với Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không có

❖ **Ông Trần Xuân Bạo – thành viên HĐQT**

Họ và tên: Trần Xuân Bạo

Số CMND: 030556364 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp ngày 27/04/2005

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 25/10/1963

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Cổ Am, Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Số 15 An Đà, P. Lạch Tray, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ - đơn vị công tác |
|-------------------|---|
| 01/1986 – 10/1992 | Nhân viên phòng Nghiệp vụ Công ty Container VN |
| 10/1992 – 03/2002 | Nhân viên, Phó phòng, Trưởng Phòng, Kế toán trưởng Công ty Container Phía Bắc |
| 04/2002 – 06/2020 | Ủy viên Hội đồng quản trị; Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính Công ty CP Container Việt Nam |
| 10/2014 đến nay | Ủy viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP |
| 04/2018 đến nay | Chủ tịch HĐQT Công ty CP Container Miền Trung |
| 01/2017 – 04/2018 | Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư dịch vụ và phát triển xanh |
| 05/2018 đến nay | Ủy viên HĐQT Công ty CP đầu tư dịch vụ và phát triển xanh |

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Ủy viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần container miền trung; Ủy viên Hội đồng quản trị – Công ty cổ phần Cảng xanh VIP

Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.680.000 cổ phần, tương đương với tỷ lệ 22,11% vốn điều lệ của GIC.

+ Đại diện vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần container Việt nam: 2.680.000 cổ phần, tương đương với tỷ lệ 22,11% vốn điều lệ của GIC.

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

Các khoản nợ đối với Công ty: không

Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận từ công ty: Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng với thành viên Hội đồng quản trị.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

❖ **Ông Hoàng Tiến Lục – thành viên HĐQT**

Họ và tên: Hoàng Tiến Lục

Số CMND: 03062800 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp ngày 06/08/2012

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/11/1959

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Cô Am, Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Số 10/96 Hai Bà Trưng, P. An Biên, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ - đơn vị công tác |
|-------------------|--|
| 10/1976 – 05/1980 | Bộ đội Trung đoàn 28 |
| 09/1982 – 11/1987 | Sinh viên trường Đại học hàng hải |
| 4/1989 – 07/2012 | Nhân viên, Phó phòng, Trưởng phòng Khai thác bãi Công ty CP Container Việt Nam |
| 03/2015 – 06/2020 | Ủy viên HĐQT Công ty CP Container Việt Nam |
| 08/2012 – 06/2017 | Giám đốc Công ty TNHH MTV Bến Xanh |
| 01/2017 – 06/2017 | Ủy viên HĐQT Công ty CP đầu tư dịch vụ và phát triển xanh |
| 07/2017 đến nay | Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty CP đầu tư dịch vụ và phát triển xanh |

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.692.000 cổ phần tương đương với tỷ lệ 22,13% vốn điều lệ GIC

+ Đại diện vốn chủ sở hữu của CTCP Container Việt Nam: 2.680.000 cổ phần tương đương với tỷ lệ 22,11% vốn điều lệ của GIC

+ Cá nhân sở hữu: 12.000 cổ phần, tương đương với tỷ lệ 0,1% vốn điều lệ của GIC

Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

Các khoản nợ đối với Công ty: không

Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận từ công ty:

- Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng với thành viên Hội đồng quản trị.

- Lương chi trả cho Giám đốc theo quy định của Công ty.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

❖ **Ông Nguyễn Việt Trung – thành viên HĐQT**

Họ và tên: Nguyễn Việt Trung

Số CMND: 030956329 do Công An Hải Phòng cấp ngày 16/11/2012

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/03/1976

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Mộc Xá, Thanh Oai, Hà Tây

Địa chỉ thường trú: Số 50 Lô 3/166 Chùa Hàng, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ - đơn vị công tác |
|-------------------|--|
| 06/2000 – 05/2002 | Nhân viên khai thác Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao (Transvina HP) |
| 06/2002 – 10/2002 | Nhân viên Công ty XNK vật tư đường biển – chi nhánh Vũng Tàu |
| 12/2002 – 06/2004 | Nhân viên khai thác Công ty CP Hàng hải Hà Nội – Chi nhánh Hải Phòng |
| 07/2004 – 09/2009 | Nhân viên, Trưởng phòng Khai thác Chi nhánh Công ty CP Container Việt Nam – Xí nghiệp Cảng Viconship |
| 10/2009 – 09/2011 | Giám đốc chi nhánh Công ty CP Vận tải dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng |
| 09/2011 – 11/2014 | Phó giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Container Việt Nam – Xí nghiệp Cảng Viconship |
| 11/2014 đến nay | Giám đốc Công ty TNHH MTV VTB Ngôi sao xanh |
| Từ 2014 đến nay | Thành viên HĐQT Công ty CP Cảng Xanh Vip |
| Từ 2015 đến nay | Thành viên HĐQT Công ty CP Container Việt Nam |
| 01/2017 đến nay | Ủy viên HĐQT Công ty CP đầu tư dịch vụ và phát triển xanh |
| 07/2017 đến nay | Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP container miền Trung |

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Ủy viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc – Công ty TNHH MTV VTB Ngôi sao xanh; Ủy viên HĐQT - Công ty CP Container Việt Nam; Ủy viên HĐQT - Công ty CP Container miền Trung; Ủy viên HĐQT – Công ty CP Cảng xanh VIP

Số lượng cổ phần nắm giữ: 13.200 cổ phần, tương đương với tỷ lệ 0,11% vốn điều lệ của GIC

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 13.200 cổ phần, tương đương với tỷ lệ 0,11% vốn điều lệ của GIC

Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

Các khoản nợ đối với Công ty: không

Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận từ công ty: Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng với thành viên Hội đồng quản trị.



M

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

❖ **Ông Nghiêm Tuấn Anh – thành viên HĐQT**

Họ và tên: Nghiêm Tuấn Anh

Căn cước công dân số: 031072000918 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 21/04/2015

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 21/06/1972

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Ninh Bình

Địa chỉ thường trú: Số 373 Đà Nẵng, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Hải Phòng

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Khai thác máy tàu biển

Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ - đơn vị công tác |
|----------------------|--|
| 06/1995 – 01/1997 | Nhân viên Công ty Container Việt Nam |
| 01/1997 – 11/10/2007 | Nhân viên, Phó phòng, Trưởng phòng Kinh doanh tiếp thị Công ty CP Giao nhận vận chuyển Container Quốc tế |
| 10/07 – 12/2012 | Phó phòng, Trưởng phòng kinh doanh Công ty TNHH VTB Ngôi sao xanh |
| 12/2012 – 06/2015 | Giám đốc Công ty TNHH MTV Logistics xanh |
| Từ 2015 đến nay | Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Container Việt Nam |
| 06/2015 đến nay | Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Logistics xanh |
| 01/2017 đến nay | Ủy viên HĐQT Công ty CP đầu tư dịch vụ và phát triển xanh |

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch, Giám đốc – Công ty TNHH MTV Logistics xanh; Ủy viên HĐQT – Công ty CP Container Việt Nam

Số lượng cổ phần nắm giữ: 12.000 cổ phần, tương đương với tỷ lệ 0,10% vốn điều lệ GIC

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 12.000 cổ phần, tương đương với tỷ lệ 0,10% vốn điều lệ GIC

Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

Các khoản nợ đối với Công ty: không

Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận từ công ty: Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng với thành viên Hội đồng quản trị.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

❖ **Ông Cáp Trọng Cường – thành viên HĐQT**

Họ và tên: Cáp Trọng Cường

Số CMND: 030991428 do Công an Hải Phòng cấp ngày 15/05/2009

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 24/04/1977

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thổ Hà, Việt Yên, Bắc Giang

Địa chỉ thường trú: 168 Vũ Chí Thắng, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải phòng

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ - đơn vị công tác |
|------------------------|--|
| Từ năm 2001 – năm 2002 | Đại diện Thương mại KV HP - Cty Bóng đèn Điện Quang TP. HCM |
| Từ năm 2002 – 05/2004 | Giám đốc Thương mại khu vực Đông Bắc – Cty Bóng đèn Điện Quang TP. HCM |
| 08/2004 – 08/2007 | Nhân viên – Ban kế hoạch khai thác – Xí nghiệp Cảng Viconship |
| 09/2007 – 06/2012 | Phó phòng, Trưởng phòng khai thác bãi Chi nhánh Công ty CP Container Việt Nam - Xí nghiệp Cảng Viconship |
| 07/2012 – 09/2015 | Phó giám đốc; Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Container Việt Nam - Xí nghiệp Cảng Viconship |
| 09/2015 đến nay | Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty CP Cảng Xanh VIP |
| Từ 2016 đến nay | Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ |
| 01/2017 đến nay | Ủy viên HĐQT Công ty CP đầu tư dịch vụ và phát triển xanh |

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Ủy viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty CP Cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ (PTSC); Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty CP Cảng Xanh VIP

Số lượng cổ phần nắm giữ: 12.000 cổ phần, tương đương với tỷ lệ 0,10% vốn điều lệ GIC

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 12.000 cổ phần, tương đương với tỷ lệ 0,10% vốn điều lệ GIC

Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

Các khoản nợ đối với Công ty: không

Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận từ công ty: Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng với thành viên Hội đồng quản trị.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

❖ **Ông Bùi Minh Hưng – thành viên HĐQT**

Họ và tên: Bùi Minh Hưng

Căn cước công dân số: 022077003303 do cục cảnh sát ĐKQL cư trú và QLQG về dân cư cấp ngày 15/10/2019

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 21/09/1977

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thanh Luận, Sơn Động, Bắc Giang

Địa chỉ thường trú: 185 Lô 27 Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ - đơn vị công tác |
|-------------------|--|
| 09/2010 – 07/2012 | Phó phòng khai thác bãi Chi nhánh Công ty CP Container Việt Nam – Xí nghiệp Cảng Viconship |
| 07/2012 – 11/2014 | Trưởng phòng kinh doanh Chi nhánh Công ty CP Container Việt Nam – Xí nghiệp Cảng Viconship |
| 11/2014 – 09/2015 | Phó giám đốc Chi nhánh Công ty CP Container Việt Nam – Xí nghiệp Cảng Viconship |
| 09/2015 đến nay | Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Container Việt Nam – Xí nghiệp Cảng Viconship |
| 01/2017 đến nay | Ủy viên HĐQT Công ty CP đầu tư dịch vụ và phát triển xanh |
| 11/2019 đến nay | Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng xanh |

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng xanh; Giám đốc – chi nhánh CTCP Container Việt Nam – xí nghiệp cảng viconship.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 12.000 cổ phần, tương đương với tỷ lệ 0,10% vốn điều lệ GIC

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần



+ Cá nhân sở hữu: 12.000 cổ phần, tương đương với tỷ lệ 0,10% vốn điều lệ GIC

Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

Các khoản nợ đối với Công ty: không

Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận từ công ty: Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng với thành viên Hội đồng quản trị.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

12.2. Ban kiểm soát

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|--------------------------|--------------------------|
| 1 | Ông Trương Lý Thế Anh | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 2 | Ông Nguyễn Tuấn Anh | Thành viên Ban Kiểm soát |
| 3 | Bà Nghiêm Thị Thùy Dương | Thành viên Ban Kiểm soát |

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban Kiểm soát như sau:

❖ Ông Trương Lý Thế Anh – Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên: Trương Lý Thế Anh

Số CMND: 031002717 do Công an Hải Phòng cấp ngày 31/03/2010

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 26/11/1978

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Lạc Viên, Ngô Quyền, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: 18/57/191 đường Đà Nẵng, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ - đơn vị công tác |
|----------------------|--|
| 06/2001 - 11/2002 | Nhân viên thời vụ văn phòng đại diện Công ty TNHH giám định Mekong tại Hải Phòng |
| 11/2002 - 11/2003 | Nhân viên Công ty liên doanh xây dựng và công nghiệp nặng Hà Việt |
| 11/2003 - 31/10/2015 | Nhân viên phòng Tài chính kế toán Công ty CP Container Việt Nam |
| 11/2015 đến 06/2020 | Phó trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty CP Container Việt Nam |
| 11/2015 đến nay | Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần container Miền Trung |

| | |
|-----------------|---|
| Từ 2016 đến nay | Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Cảng Xanh Vip |
| 01/2017 đến nay | Trưởng ban kiểm soát Công ty CP đầu tư dịch vụ và phát triển xanh |
| 07/2020 đến nay | Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV dịch vụ cảng xanh |

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Trưởng ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng ban kiểm soát - Công ty cổ phần container Miền Trung; Thành viên ban kiểm soát - Công ty CP Cảng Xanh Vip; Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV dịch vụ cảng xanh

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

Các khoản nợ đối với Công ty: không

Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận từ công ty: Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng với trưởng ban kiểm soát.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

❖ **Ông Nguyễn Tuấn Anh – thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: Nguyễn Tuấn Anh

Căn cước công dân số: 031075000290 do cục cảnh sát ĐKQL cư trú và QLQG về dân cư cấp ngày 03/09/2014

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 14/10/1975

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Dương Quan, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Thôn Tây giữa, xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành quản trị nhân sự

Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ - đơn vị công tác |
|-------------------|--|
| 10/2000 - 12/2008 | Chuyên viên tổ chức, lao động tiền lương, quản lý nhân sự, Phó trưởng Phòng TCHC - Phòng TCHC Công ty TNHH MTV Gas Petrolimex Hải Phòng. |
| 01/2009 - 01/2011 | Trưởng phòng TCHC Công ty TNHH MTV dầu khí Việt Hải |
| 02/2011 - 05/2013 | Trưởng phòng TCHC Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long |
| 06/2013 - 04/2015 | Phó giám đốc kiêm Trưởng phòng TCHC Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thanh Chương |

| | |
|-----------------|---|
| 06/2015 đến nay | Trưởng phòng Tổng hợp - Công ty cổ phần Container Việt Nam |
| 01/2017 đến nay | Thành viên ban kiểm soát Công ty CP đầu tư dịch vụ và phát triển xanh |

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng phòng Tổng hợp Công ty Cp Container Việt Nam

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

Các khoản nợ đối với Công ty: không

Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận từ công ty: Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng với thành viên ban kiểm soát.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

❖ **Bà Nghiêm Thị Thùy Dương – thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên: Nghiêm Thị Thùy Dương

Số CMND: 031382399 do Công an Hải Phòng cấp ngày 02/03/2011

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 30/11/1987

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Khu 6 Thượng Hân, Hải Dương

Địa chỉ thường trú: 70/122 Đình Đông, Đông Hải, Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị tài chính kế toán

Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ - đơn vị công tác |
|-------------------|---|
| 08/2009 - 10/2015 | Nhân viên phòng Tài chính - Tổng hợp Chi nhánh Công ty CP Container Việt Nam – Xí nghiệp cảng Viconship |
| 11/2015 đến nay | Nhân viên, phó phòng Tài chính - tổng hợp Công ty CP cảng xanh VIP |
| 01/2017 đến nay | Thành viên ban kiểm soát Công ty CP đầu tư dịch vụ và phát triển xanh |
| 06/2020 đến nay | Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Container Việt Nam |

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó phòng Tài chính – Tổng hợp – Công ty CP cảng

xanh VIP; Thành viên ban kiểm soát - Công ty CP Container Việt Nam

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

Các khoản nợ đối với Công ty: không

Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận từ công ty: Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng với thành viên ban kiểm soát.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

12.3. Giám đốc và các cán bộ quản lý

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|------------------------|----------------|
| 1 | Ông Hoàng Tiến Lược | Giám đốc |
| 2 | Ông Đồng Trung Hải | Phó Giám đốc |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Minh Lan | Kế toán trưởng |

Các thông tin liên quan đến các thành viên ban Giám đốc như sau:

❖ **Ông Hoàng Tiến Lược – Giám đốc**

(sơ yếu lý lịch như đã nêu trên)

❖ **Ông Đồng Trung Hải – phó Giám đốc**

Họ và tên: Đồng Trung Hải

Số CMND: 030962452 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp ngày 08/02/2012

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 28/12/1977

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Vũ Đoài, Vũ Thư, Thái Bình

Địa chỉ thường trú: 12 Hoàng Văn Thụ, Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ - đơn vị công tác |
|-------------------|--|
| Từ 2000 đến 2005 | Nhân viên Công ty CP vận tải 1 Traco Sài Gòn |
| Từ 2005 đến 2009 | Nhân viên Công ty TNHH VTB Tân Nhật Thành |
| 04/2010 - 09/2011 | Nhân viên Công ty CP Container Việt Nam |
| 09/2011 - 02/2016 | Nhân viên, Phó phòng, Trưởng phòng Kinh doanh Công ty TNHH MTV VTB Ngôi Sao Xanh |

| | |
|-------------------|---|
| 03/2016 - 06/2017 | Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Bến Xanh |
| 07/2017 đến nay | Phó Giám đốc Công ty CP đầu tư dịch vụ và phát triển xanh |

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số lượng cổ phần nắm giữ: 14.400 cổ phần, tương đương với tỷ lệ 0,12% vốn điều lệ GIC

+ Đại diện vốn chủ sở hữu của VSC: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 14.400 cổ phần tương đương với tỷ lệ 0,12% vốn điều lệ GIC

Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

Các khoản nợ đối với Công ty: không

Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận từ công ty: Lương chi trả cho Phó giám đốc theo quy định của Công ty.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

❖ **Bà Nguyễn Thị Minh Lan – Kế toán trưởng**

Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Lan

Số CMND: 031327411 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp ngày 09/09/2002

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 01/07/1975

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: 71 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ - đơn vị công tác |
|-------------------|---|
| 09/1997 - 08/2012 | Nhân viên Công ty CP Container Việt Nam |
| 09/2012 - 06/2017 | Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Bến Xanh |
| Từ 2015 đến nay | Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Container Việt Nam |
| 07/2017 đến nay | Kế toán trưởng Công ty CP đầu tư dịch vụ và phát triển xanh |

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty



Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần container Việt Nam

Số lượng cổ phần nắm giữ: 19.200 cổ phần, tương đương với tỷ lệ 0,16% vốn điều lệ GIC

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 19.200 cổ phần, tương đương với tỷ lệ 0,10% vốn điều lệ GIC

Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

Các khoản nợ đối với Công ty: không

Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận từ công ty: Lương chi trả cho Kế toán trưởng theo quy định của Công ty.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

13. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty):

13.1 Tài sản cố định của Công ty:

Bảng 24. Số dư tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/06/2020

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 30/06/2020 |
|----------|---------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| 1 | Tài sản cố định hữu hình | | | |
| 1.1 | Nguyên giá | | | |
| | Nhà cửa | 83.050.294.941 | 83.050.294.941 | 83.050.294.941 |
| | Máy móc và thiết bị | 2.970.998.669 | 3.074.154.669 | 3.074.154.669 |
| | Phương tiện vận chuyển | 70.107.710.679 | 106.493.520.596 | 113.080.918.083 |
| | Thiết bị văn phòng | 1.195.356.970 | 1.195.356.970 | 1.195.356.970 |
| | Tổng cộng | 157.324.361.259 | 193.813.327.176 | 200.400.724.663 |
| 1.2 | Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| | Nhà cửa | 12.332.611.736 | 21.689.343.164 | 26.367.708.878 |
| | Máy móc và thiết bị | 651.004.565 | 1.274.819.475 | 1.587.605.049 |
| | Phương tiện vận chuyển | 7.556.869.694 | 21.054.784.602 | 26.429.300.387 |
| | Thiết bị văn phòng | 351.038.465 | 598.858.145 | 722.767.985 |
| | Tổng cộng | 20.891.524.460 | 44.617.805.386 | 55.107.382.299 |
| 1.3 | Giá trị còn lại | | | |
| | Nhà cửa | 70.717.683.205 | 61.360.951.777 | 56.682.586.063 |
| | Máy móc và thiết bị | 2.319.994.104 | 1.799.334.194 | 1.486.549.620 |
| | Phương tiện vận chuyển | 62.550.840.985 | 85.438.735.994 | 86.651.617.696 |
| | Thiết bị văn phòng | 844.318.505 | 596.498.825 | 472.588.985 |
| | Tổng cộng | 136.432.836.799 | 149.195.521.790 | 145.293.342.364 |

| | | | | |
|----------|-------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| 2 | Tài sản cố định vô hình | | | |
| 2.1 | Nguyên giá | | | |
| | Phần mềm máy vi tính | 1.026.382.459 | 1.121.382.459 | 1.121.382.459 |
| | Tổng cộng | 1.026.382.459 | 1.121.382.459 | 1.121.382.459 |
| 2.2 | Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| | Phần mềm máy vi tính | 345.604.129 | 690.370.506 | 877.267.584 |
| | Tổng cộng | 345.604.129 | 690.370.506 | 877.267.584 |
| 2.3 | Giá trị còn lại | | | |
| | Phần mềm máy vi tính | 680.778.330 | 431.011.953 | 244.114.875 |
| | Tổng cộng | 680.778.330 | 431.011.953 | 244.114.875 |
| 3 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*) | 6.563.860.611 | - | - |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC soát xét bán niên 2020

(*) Chi tiết một số khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang một số công trình lớn của Công ty như sau:

Đơn vị tính: đồng

| TT | Tên công trình | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 30/06/2020 |
|----|--|---------------|------------|------------|
| 1 | Bãi chứa container | 1.848.874.892 | - | - |
| 2 | Tòa nhà văn phòng 3 tầng | 77.776.422 | - | - |
| 3 | Khuôn viên văn phòng và hệ thống cấp nước sạch | 1.200.873.467 | - | - |
| 4 | Hệ thống phòng cháy, chữa cháy | | - | - |
| 5 | Bể nước, trạm bơm cứu hỏa | 668.697.203 | - | - |
| 6 | Sàn rửa container, ga rác, kho chất thải | 567.012.094 | - | - |

Nguồn: CT CP Đầu tư dịch vụ và phát triển Xanh

(**) Chi tiết một số tài sản có giá trị lớn của Công ty

Đơn vị tính: đồng

| TT | Tên tài sản | Loại tài sản | Nguyên giá |
|----|--------------------------|------------------------|----------------|
| 1 | Bãi chứa container | Nhà cửa, vật kiến trúc | 56.536.508.364 |
| 2 | Tòa nhà văn phòng 3 tầng | Nhà cửa, vật kiến trúc | 6.272.155.244 |
| 3 | Xe nâng Hyster 69 | Phương tiện xếp dỡ | 9.180.340.864 |
| 4 | Xe nâng Hyster 80 | Phương tiện xếp dỡ | 9.366.491.558 |
| 5 | Xe nâng Hyster 81 | Phương tiện xếp dỡ | 9.489.409.598 |
| 6 | Xe nâng Hyster 82 | Phương tiện xếp dỡ | 9.489.409.598 |
| 7 | Xe nâng Hyster 86 | Phương tiện xếp dỡ | 9.522.195.194 |
| 8 | Xe nâng Hyster 90 | Phương tiện xếp dỡ | 9.442.285.469 |
| 9 | Xe nâng Hyster 91 | Phương tiện xếp dỡ | 9.375.958.646 |
| 10 | Xe nâng Hyster 92 | Phương tiện xếp dỡ | 9.375.958.646 |

| | | | |
|----|---------------------------|------------------------|---------------|
| 11 | Xe nâng Kalmar 68 | Phương tiện xếp dỡ | 4.258.843.784 |
| 12 | Xe nâng Kalmar 88 | Phương tiện xếp dỡ | 6.183.116.488 |
| 13 | Xe nâng Kalmar 89 | Phương tiện xếp dỡ | 5.799.024.467 |
| 14 | 9 đầu kéo container | Phương tiện vận chuyển | 6.291.676.365 |
| 15 | 9 sơ mi rơ moóc container | Phương tiện vận chuyển | 2.400.831.816 |

Nguồn: CTCP Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo:

Bảng 25. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, 2021

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 | | Năm 2021 | |
|--|-----------|----------|-----------------------------|----------|-----------------------------|
| | Thực hiện | Kế hoạch | % tăng giảm so với năm 2019 | Kế hoạch | % tăng giảm so với năm 2020 |
| Vốn điều lệ | 121,2 | 121,2 | 0% | 121,2 | 0% |
| Doanh thu thuần | 201,1 | 186 | - 7,51% | 190 | 2,15% |
| Lợi nhuận sau thuế | 42,6 | 38 | -10,80% | 39 | 2,63% |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 21,18% | 20,43% | - | 20,53% | - |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ | 35,15% | 31,35% | - | 32,17% | - |
| Cổ tức | 10% | 10% | - | 10% | - |

Nguồn: Nghị Quyết ĐHCĐ thường niên năm 2020 của CTCP Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên:

Với tình hình diễn biến đại dịch Covid-19 được dự báo còn ảnh hưởng đến kinh tế Thế giới nói chung và Việt nam nói riêng trong năm 2020, 2021, do đó HĐQT GIC đã trình ĐHCĐ kế hoạch kinh doanh năm 2020 ở mức thận trọng với mức Doanh thu kế hoạch 2020 là 186 tỷ đồng, giảm 7,51% so với thực hiện năm 2019 và mức Lợi nhuận sau thuế kế hoạch 2020 là 38 tỷ đồng, giảm 10,80% so với thực hiện năm 2019. Dự báo chính phủ Việt nam sẽ sớm kiểm soát được dịch bệnh Covid-19 và đưa kinh tế tăng trưởng trở lại vào năm 2021, GIC dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2021 sẽ có tăng trưởng so với kế hoạch năm 2020. Để thực hiện kế hoạch đã đề ra, GIC có những lợi thế/ giải pháp như sau:

- Địa bàn hoạt động của GIC thuộc khu Cảng Hải Phòng – Lạch Huyện, là cảng biển lớn nhất khu vực phía bắc, có thể tiếp nhận tàu có tải trọng 100.000 tấn và có hệ thống trang thiết bị tuyến tiên phương hiện đại đáp ứng yêu cầu giải phóng tàu nhanh và an toàn.
- GIC là Công ty thành viên thuộc CTCP Container Việt Nam là Công ty có uy tín, lượng khách hàng ổn định, lâu dài và mối quan hệ tốt với các đối tác, bạn hàng vì vậy doanh thu đến từ khách hàng thuộc Công ty mẹ rất ổn định.
- Trong tương lai gần, GIC sẽ đẩy mạnh những dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị đưa vào khai thác nâng cao quy mô và năng suất khai thác tạo điều kiện cho công ty tăng doanh thu, sản lượng

và lợi nhuận.

- GIC luôn thường xuyên theo dõi giá thành và có những điều chỉnh chính sách giá cước kịp thời, nhằm đảm bảo tính cạnh tranh của GIC trên thị trường.
- Việt Nam là một nước đang trong giai đoạn phát triển, tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm dự kiến khoảng từ 5-7% năm, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước tăng trưởng đều đặn khoảng trên 13% năm, sản lượng hàng hóa lưu thông bằng đường biển liên tục tăng trưởng mạnh và ổn định khoảng 15-20% tạo điều kiện cho Khu Cảng Hải Phòng – Lạch Huyện mở rộng quy mô và tăng trưởng trong tương lai
- Sau cổ phần hóa Công ty tiếp tục hoàn thiện kế hoạch đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng và thiết bị công nghệ ở khu vực Cảng Lạch Huyện nhằm phát huy tối đa lợi thế tại khu vực này và nâng cao khả năng bốc xếp. Việc đầu tư này là thiết yếu và tiên quyết khi trong dài hạn xu hướng và tiềm năng khai thác của các cảng khu vực thượng lưu bị thu hẹp.
- GIC đã ký được các hợp đồng lớn, dài hạn với các khách hàng để đảm bảo doanh thu và tiến độ thực hiện.
- HĐQT, Ban lãnh đạo công ty cùng toàn thể CBCNV luôn quyết tâm phấn đấu, gắn kết với doanh nghiệp, thu gọn bộ máy, áp dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất, đồng thời nhận được sự tạo điều kiện của cấp trên và ban ngành trên địa bàn thành phố Hải Phòng nên sẽ là cơ sở vững chắc để Công ty Cổ phần GIC càng phát triển mở rộng.
- Kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 đạt được:

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2020 (đồng) | Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020 (đồng) | Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch |
|-----|--------------------|--------------------------|---------------------------------------|---------------------------|
| 1 | Doanh thu | 186.000.000.000 | 93.431.438.276 | 50,23% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 38.000.000.000 | 21.693.928.985 | 57,09% |

Nguồn: CTCP Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 06 tháng đầu năm đã đạt được 50,23% kế hoạch doanh thu và 57,09% kế hoạch lợi nhuận của năm 2020 cho dù sáu tháng đầu năm Công ty đã chịu ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Với diễn biến và khả năng kiểm soát khá tốt dịch bệnh tại Việt Nam, Công ty tin rằng cho dù đại dịch sẽ tiếp tục ảnh hưởng tới hết năm 2020, Công ty cũng sẽ hoàn thành kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2020 được Đại hội cổ đông thông qua.

15. **Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.**

Với tư cách là tổ chức tư vấn, để đánh giá kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển và dịch vụ Xanh, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay cũng như dự báo kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển và dịch vụ Xanh trong giai đoạn 2020-2021. Dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển và dịch vụ Xanh, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển và dịch vụ Xanh dự kiến trong các năm 2020-2021 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. **Loại chứng khoán:** Chứng khoán phổ thông
2. **Mã chứng khoán:** GIC
3. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/ Cổ phiếu
4. **Tổng số chứng khoán niêm yết:** 12.120.000 cổ phiếu
5. **Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:**

Căn cứ Điểm d khoản 1 Nghị định 58/2012/NĐ-CP về việc đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội: “Cổ đông cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.”

Theo đó, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cổ đông lớn là người có liên quan đến người nội bộ của CTCP Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh cam kết giữ 100% cổ phần do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phần trong thời gian 6 tháng tiếp theo theo quy định trên với chi tiết như sau:

Bảng 26. Danh sách cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tổ chức phát hành

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng kể từ thời điểm niêm yết | Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ thời điểm niêm yết |
|-----|---------------------|-----------------|---|---|
| 1 | Hoàng Tiến Lục | Giám đốc | 12.000 | 6.000 |
| 2 | Nguyễn Việt Trung | Thành viên HĐQT | 13.200 | 6.600 |
| 3 | Nghiêm Tuấn Anh | Thành viên HĐQT | 12.000 | 6.000 |
| 4 | Cáp Trọng Cường | Thành viên HĐQT | 12.000 | 6.000 |
| 5 | Bùi Minh Hưng | Thành viên HĐQT | 12.000 | 6.000 |
| 6 | Đông Trung Hải | Phó Giám đốc | 14.400 | 7.200 |
| 7 | Nguyễn Thị Minh Lan | Kế toán trưởng | 19.200 | 9.600 |

| | | | | |
|---|------------------------------------|---|------------------|------------------|
| 8 | Công ty cổ phần Container Việt Nam | Cổ đông lớn là người có liên quan đến các thành viên HĐQT của GIC | 8.040.000 | 4.020.000 |
| | Tổng số | | 8.134.800 | 4.067.400 |

Nguồn: CTCP Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh

6. Phương pháp tính giá:

6.1 Giá trị sổ sách của cổ phần:

Theo BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC soát xét bán niên 2020, giá trị sổ sách của cổ phần của công ty như sau:

Giá trị sổ sách của 1 cổ phần (Bookvalue) = Vốn CSH/ Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành

| Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 30/06/2020 |
|-----------------------------------|------------|------------|------------|
| Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần) | 13.374 | 16.688 | 18.272 |

Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển dịch vụ Xanh

6.2 Phương pháp tính giá:

Công ty sử dụng phương pháp tính giá P/E, P/B để tính giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu tại sàn HNX:

- Phương pháp so sánh P/B (Giá trên giá trị sổ sách mỗi cổ phần)
- Phương pháp so sánh P/E (Giá trên thu nhập mỗi cổ phần)

Các phương pháp tính giá sẽ sử dụng số liệu của một số công ty hiện đang niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán có cùng ngành nghề hoạt động với CTCP Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh để làm cơ sở so sánh.

Căn cứ vào các phương pháp xác định giá nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tính toán và ra quyết định về mức giá tham chiếu phù hợp tại thời điểm niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Sau khi niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu CTCP Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh của nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ theo quy định tại:

- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP;
- Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49%. Tính đến thời điểm 20/7/2020 số lượng cổ phần của các cổ đông nước ngoài là 0 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 0% số lượng cổ phần đã phát hành.

8. Các loại thuế có liên quan

8.1 Thuế liên quan đến hoạt động doanh nghiệp

Theo các chính sách ưu đãi đầu tư vào khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2017) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo.

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2017 đến năm 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến năm 2029).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thông thường là 20%.

8.2 Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty

▪ Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 và Điều 16 của Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015, thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán): 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

▪ Đối với nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau: Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ.
- Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ.
- Chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.
- Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

- Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KPMG VIỆT NAM

Trụ sở: Tầng 46 tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, tòa nhà 72 tầng, lô E6, đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: +84 (24) 3946 1600

Website: <https://home.kpmg/vn/vi/home.html>

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở: Tầng 12&17, Tòa nhà VCB Tower, Số 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 3726 5557

Website: <http://vcbs.com.vn/>

VII. PHỤ LỤC

- Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- Phụ lục II:** Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
- Phụ lục III:** Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2019 và BCTC soát xét bán niên năm 2020
- Các phụ lục khác**

TẤT CẢ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG BCB

Hải Phòng, ngày.../.../2020

TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thế Trọng

GIÁM ĐỐC



Hoàng Tiến Lục

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Trương Lý Thế Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Minh Lan



Hà Nội, ngày..... Tháng.... năm 2020

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TNHH NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đỗ Thanh Phong

